

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THÁNG 10/2024

LẤY ĐÀ CHO NHỊP HỒI PHỤC

ĐIỂM NHẤN THÁNG 9/2024

- Kinh tế Mỹ tiếp tục gặp nhiều thách thức với PMI sản xuất giảm về 47 điểm, mức thấp nhất kể từ tháng 7 năm 2023. Trung Quốc tiếp tục suy thoái với việc lạm phát và PMI sản xuất đều ở mức thấp. Sản xuất tiếp tục thu hẹp tại EU. Lạm phát tại Mỹ tiếp tục giảm và Fed có khả năng tiếp tục cắt giảm lãi suất trong kỳ họp tháng 11 trong khi lạm phát tiếp tục giảm ở EU ([trang 10-14](#)).
- Tại Việt Nam, GDP Q3 tăng trưởng ấn tượng 7,4% svck, tuy nhiên sản xuất đột ngột đảo chiều với chỉ số PMI quay đầu giảm mạnh về mức 47.3 sau khi mở rộng trên mức 50 trong 5 tháng liên tiếp cho thấy sức ảnh hưởng mạnh mẽ của cơn bão Yagi. Vốn FDI, xuất nhập khẩu, tăng trưởng tín dụng đều tích cực. Tỷ giá VND/USD đi ngang so với tháng trước. ([trang 16-23](#)).
- Trong tháng 9/2024, thị trường chứng khoán Việt Nam được hưởng lợi từ nhiều thông tin tích cực trong và ngoài nước. Đáng chú ý, FED quyết định cắt giảm lãi suất 50 điểm cơ bản ngày 18/9 và Trung Quốc đẩy mạnh các gói kích thích nền kinh tế đã tạo động lực cho dòng vốn vào thị trường. Kết thúc tháng, VN-Index dừng tại mốc 1288 điểm, tăng 8,4% so với tháng trước ([trang 26-27](#)).
- Lực cầu chủ động quay trở lại thị trường khi nhà đầu tư cá nhân mua ròng trở lại và lực bán ròng của khối ngoại tiếp tục giảm chỉ còn một nửa ([trang 28-29](#)).
- Nhóm **Ngân hàng, Dịch vụ tài chính** tiếp tục nhận được sự quan tâm từ nhà đầu tư khi tỷ trọng dòng tiền và giá đều tăng vượt trội so với các nhóm ngành khác ([trang 30](#)).

➤ NHÌN LẠI DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 9/2024

- Chúng tôi nhận định trong tháng 9, các yếu tố tích cực là Fed hạ lãi suất và tín dụng được đẩy mạnh, mặc khác, siêu bão Yagi gây ra các thiệt hại lớn cho nền kinh tế. Do đó, dự báo thị trường đi ngang với đáy cao dần, biên độ điều chỉnh thu hẹp dần. Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư quan sát mua vị thế cổ phiếu ngắn hạn và trung hạn, với cổ phiếu và mốc hỗ trợ của thị trường.
- Thực tế, VNIndex giảm trong nửa đầu tháng, nhưng giữ thành công mức hỗ trợ 1250 -1260, sau đó chuyển sang đà tăng với 2 lần kiểm định ngưỡng 1300, tuy nhiên đây cũng là vùng cản tâm lý cứng trong 6 tháng qua. Kết thúc tháng, VNINDEX dừng tại mốc 1288 điểm, tăng 8,4% so với tháng trước.
- Kết quả danh mục các cổ phiếu chúng tôi khuyến nghị được tổng hợp tại trang sau.



➤ NHÌN LẠI DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 9/2024

DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ TRONG THÁNG 09/2024

- Có 12/15 cổ phiếu chạm vùng giá mua khuyến nghị.
- Biến động giá cả danh mục là **+2,6%** theo giá cuối tháng 9 và **+5,3%** theo giá cao nhất đạt được trong tháng 9/2024 so với giá tại ngày khuyến nghị.

STT	Mã cổ phiếu	Giá tại ngày ra báo cáo (9/9/2024)	Vùng giá mua đề xuất	Giá thấp nhất chạm vùng KN	Giá mục tiêu – TP1 (TA)	Giá mục tiêu - TP2 (TA)	Giá cắt lỗ (SL)	Giá tại ngày 9/30/2024	Tăng/ Giảm (%) so với giá ngày báo cáo	Giá chạm cao nhất trong tháng	Tăng/ Giảm (%) so với giá ngày báo cáo	Sự kiện cổ đông trong tháng 9/ Khuyến nghị cho tháng 10
1	TCB	22.65	21-22.4	22.25	26-27	34-35	20	24.20	6.8%	24.4	7.7%	Nắm giữ đến TP2, nâng giá SL lên 22
2	MBB	23.95	23-24	23.95	26-28	35-36	22	25.70	7.3%	26	9.2%	Chốt lời 30% khi giá đạt TP1, nắm giữ phần còn lại đến TP2, nâng giá SL lên 23
3	VCI	44.85	43-45	43.8	53-55	67-68	42	36.70	6.4%	48.3	7.7%	Cổ tức bằng CP, tỷ lệ 100:30 Nắm giữ, nâng SL lên 35
4	HCM	29.15	27-29.5	29	34.0	38	26	30.95	6.2%	31.8	9.1%	Nắm giữ, nâng SL lên 28
5	VCG	18.8	17-19	18.3	24-25	29-31	16	18.75	-0.3%	19.5	3.7%	Bán chốt lời
6	BCM	71.2	69-72	71.1	88.0		65	70.20	-1.4%	73.5	3.2%	Bán chốt lời
7	DPG	53.6	50-51	n/a	60-62		48	56.70	5.8%	58.2	8.6%	Bán chốt lời
8	HDG	28.6	26-27	n/a	31.0	37	25	27.95	-2.3%	29.5	3.1%	Bán chốt lời
9	NLG	41.1	40-41	40.9	46-48	56	39	41.55	1.1%	42.7	3.8%	Bán chốt lời
10	KDH	37.6	35-36	n/a	43-45	52	33	38.90	3.5%	39.7	5.6%	Bán chốt lời
11	GEX	21	20.8-21.8	20.75	25-26	33	19	21.75	3.6%	21.8	3.6%	Bán chốt lời
12	HSG	20.4	19.1-20.4	20	23.0	26	18	21.30	4.4%	21.5	5.4%	Bán chốt lời
13	DCM	37.15	36.2-37.4	37.3	40-42	46	35.7	38.50	3.6%	39.8	7.0%	Bán chốt lời. Canh mua lại sau
14	DGW	62.5	61-62.5	61.7	68-69	75	59	46.85	-1.8%	48.5	1.7%	Cổ tức bằng tiền, 500đ/CP. Cổ phiếu, tỷ lệ 100:30. Bán chốt lời
15	MSH	48.75	48-49	48.15	52-54	58	45.9	47.00	-3.6%	49.1	0.6%	Bán chốt lời
Trung bình									2.6%		5.3%	
VN-Index		1267.7						1,287.94	1.6%	1,300.31	2.6%	

➤ NHÌN LẠI DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 9/2024

DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ TRONG THÁNG 08/2024 VÀ TIẾP TỤC NẮM GIỮ TRONG THÁNG 09/2024

- Biến động giá cả danh mục là **+3,2%** theo giá cuối tháng 9 và **+7,5%** theo giá cao nhất đạt được trong tháng 9/2024 so với giá tại ngày khuyến nghị.

STT	Mã cổ phiếu	Giá tại ngày ra báo cáo (9/9/2024)	Vùng giá mua đề xuất	Giá thấp nhất chạm vùng KN	Giá mục tiêu – TP1 (TA)	Giá mục tiêu – TP2 (TA)	Giá cắt lỗ (SL)	Giá tại ngày 9/30/2024	Tăng/ Giảm (%) so với giá ngày báo cáo	Giá chạm cao nhất trong tháng	Tăng/ Giảm (%) so với giá ngày báo cáo	Sự kiện cổ đông trong tháng 9/ Khuyến nghị cho tháng 10
1	VNM	72.7	67-69	0	78-81	100	63	70.10	-0.2%	72.96	3.7%	Cổ tức bằng tiền 2450đ/CP. Nắm giữ và mua thêm khi giá điều chỉnh Cổ tức bằng tiền 6000đ/CP, cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 50:1. Bán chốt lời Nắm giữ nếu chưa chốt lời ở TP1 Nắm giữ Bán chốt lời Bán chốt lời
2	GAS	77.3	74-76	0	88-91	100	72	73.20	4.4%	77.72	10.3%	
3	PNJ	95.6	89-93	0	100-103	113	86.5	98.80	3.3%	102.50	7.2%	
4	DGC	106	83-87	0	100	115	81	115.50	9.0%	117.90	11.2%	
5	VEA	41.1	35-37	0	44-46	49	34	44.80	9.0%	45.30	10.2%	
6	TNH	23.1	20-22	0	27-28	34	19	21.60	-6.5%	23.69	2.6%	
Trung bình									3.2%		7.5%	

Về yếu tố Phân tích kỹ thuật:

Thời gian qua, thị trường trong xu hướng hồi phục tổng thể. VN-Index tăng giảm trong vùng giữa Fibonacci 61,8% và 50%, tương ứng 1.300đ – 1.180đ, với lực bán chiếm thế chủ động tạo vùng 3 đỉnh trên biểu đồ khung tuần. Lực bán mạnh khiến giá giảm, tạo những cây nến tuần biên độ đặc, sau đó rút chân di chuyển về đỉnh và chốt lời, hình thành nhịp kéo xả với khối lượng giao dịch giảm dần. Cầu mua giảm và cung bán chiếm ưu thế vượt trội khi giá tiến về vùng đỉnh tại ngưỡng 1.300 điểm.

Cấu trúc thị trường vẫn thể hiện cấu trúc tăng giá trên khung thời gian lớn. VN-Index tạo cây nến tháng 9 và nến quý III đều rút chân xanh khá tốt, thể hiện cơ hội thị trường còn khả năng tăng trưởng tốt trong dịp cuối năm 2024.

Tuy nhiên trên khung tuần, thời điểm hiện tại chưa xác nhận xu hướng tăng giá tiếp tục khi VN-Index chưa vượt vùng kháng cự 1305 - 1316 điểm, chỉ báo MACD có dấu hiệu phân kỳ âm, động lượng thể hiện qua histogram đỏ đậm. Đường giá biến động lỏng với khối lượng giảm dần trong khi khối lượng bán tại vùng đỉnh chiếm ưu thế... Đây là các yếu tố không tích cực gây nên điều chỉnh giảm trên khung ngày.

Các cổ phiếu lớn ngành ngân hàng đã cho tín hiệu điều chỉnh sau pha tăng vừa qua. Các cổ phiếu hàng đầu của các nhóm ngành cũng đã tăng về đỉnh và có biểu hiện suy yếu, cần cải thiện. Hơn nữa, trong suốt quá trình hồi phục từ 2022 đến nay, sự tăng trưởng của thị trường diễn ra không đồng đều và đồng pha giữa các nhóm cổ phiếu. Trên thị trường luôn song hành các cổ phiếu đi tìm đỉnh với các cổ phiếu đi tìm đáy, đây là 1 bức tranh trái chiều rất khó lường.

Dòng tiền được mua ròng trong tháng 9 được dẫn dắt bởi cá nhân, trong khi khối NĐTNN đã giảm mạnh bán ròng. Dòng tiền tập trung ở nhóm ngành ngân hàng, dịch vụ tài chính, bất động sản.

Các vùng hỗ trợ và kháng cự:

- | | |
|---------------------------|-------------------------|
| • Kháng cự 1: 1285 - 1305 | • Hỗ trợ 1: 1260 – 1245 |
| • Kháng cự 2: 1305 - 1316 | • Hỗ trợ 2: 1217 – 1205 |
| • Kháng cự 3: 1340 - 1350 | • Hỗ trợ 3: 1186 – 1164 |

Các yếu tố vĩ mô:

Thị trường bước vào tháng 10 với nhiều tin tức tích cực.

- Trên thế giới, lạm phát đang diễn biến theo đà giảm tại các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU, UK,... củng cố xu hướng nới lỏng tiền tệ của các nước này. Nổi bật nhất là việc Fed đã cắt giảm mạnh tay lãi suất điều hành 50 điểm cơ bản trong tháng 9 và dự báo tiếp tục cắt giảm ít nhất thêm 25 điểm cơ bản trong kỳ họp tháng 11 tới. Trong khi đó, Trung Quốc đưa ra gói kích thích kinh tế lớn nhất kể từ đại dịch để giúp nước này đạt mục tiêu tăng trưởng 5% trong năm 2024. Chiến sự vẫn leo thang ở Trung Đông và Nga – Ukraina, tuy nhiên điểm tích cực là giá dầu cũng như giá vận tải biển không biến động quá nhiều.

Các yếu tố vĩ mô (tiếp):

- Trong nước, mặc dù cơn bão Yagi gây tác hại to lớn, GDP của Việt Nam vẫn tăng trưởng ấn tượng 7,4% so với cùng kỳ. Kết quả tăng trưởng ấn tượng này đạt được chủ yếu dựa vào các yếu tố hỗ trợ mạnh mẽ như đầu tư xã hội tiếp tục tăng trưởng ổn định trong đó bao gồm cả đầu tư công được đẩy mạnh, đầu tư nước ngoài FDI tích cực, xuất nhập khẩu hồi phục mạnh, các biện pháp hỗ trợ từ Chính phủ như chính sách tiền tệ linh hoạt, các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp và phục hồi tiêu dùng nội địa...
- Tín dụng đã tăng trưởng mạnh trong nửa cuối tháng 9, kết thúc quý 3 tăng 9% so với đầu năm, hứa hẹn khả năng cao đạt mục tiêu tăng trưởng 15% cho cả năm 2024. Tỷ giá giảm, thị trường vàng được quản lý tốt.
- Về thị trường vốn, Thông tư 68 đã được Bộ Tài chính ban hành ngày 18/9 và có hiệu lực từ 2/11/2024, cho phép nhà đầu tư tổ chức nước ngoài có thể mua chứng khoán mà không cần có đủ tiền ngay. Như vậy, Việt Nam đã hoàn thành 2 trong 3 điều kiện còn lại để có thể được nâng hạng lên Thị trường mới nổi thứ cấp, chỉ còn một điều kiện chưa đạt là Trung tâm thanh toán bù trừ tập trung. Tiến trình này đang được thực hiện nhanh chóng giúp giảm ã bán ròng của khối ngoại trong 3 tháng qua và thu hút dòng vốn ngoại vào Việt Nam.
- Các biện pháp đẩy mạnh giải ngân đầu tư công liên tục được triển khai, nhằm mục tiêu hoàn thành kế hoạch cả năm 2024.
- Tâm điểm của thị trường chứng khoán trong tháng 10 sẽ là:
 - Các bộ luật dự kiến được thông qua tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV khai mạc ngày 21/10/2024, trong đó sẽ xem xét, thông qua 11 dự án luật; cho ý kiến 12 dự án luật, trong đó có các luật quan trọng như Luật Thuế GTGT, Luật Điện lực, Luật Thuế TNDN....Dự án đường sắt cao tốc với dự toán 67 tỷ USD cũng có thể được thông qua trong kỳ họp này, là lực đẩy cho đầu tư công trong 2025.
 - Triển vọng KQKD Q3 của các doanh nghiệp niêm yết. Chúng tôi ước tính LNST các doanh nghiệp nghiên cứu có thể tăng 20,6% svck trong nửa cuối năm, cao hơn mức tăng 5,8% svck đạt được trong nửa đầu năm 2024. Các ngành dự kiến có tăng trưởng LNST tích cực trong Q3/2024 svck bao gồm ngân hàng, chứng khoán, dầu khí, hóa chất - phân bón, bán lẻ, vận tải biển, CNTT và viễn thông, may mặc, thực phẩm...
- Về mặt định giá, P/E của VN-Index tăng nhẹ từ 14,01x cuối tháng 8 lên 14,05x cuối tháng 9, thấp hơn mức bình quân 14,07x của chỉ số này trong 1 năm qua. P/E kỳ vọng cho cả năm 2024 ở mức thấp hơn do KQKD cả thị trường được dự báo tiếp tục phục hồi trong nửa cuối năm.
- Các cổ phiếu vốn hóa lớn trong VN30 đang có định giá P/E là 13,0x, thấp hơn nhiều so với các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ trong VNMID (17,04x) và VNSML (15.49x).

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 10/2024

Dự báo diễn biến VN-Index trong tháng 10/2024:

Với những phân tích bên trên, chúng tôi nhận định thị trường tiếp tục diễn biến trong vùng 1305-1185 điểm và có kỳ vọng về tiềm năng tăng trưởng cuối năm. Chúng tôi đề xuất kịch bản giao dịch như sau và ưu tiên mua mới trong tháng 10:

Kịch bản 1: Thị trường điều chỉnh về vùng Hỗ trợ 1 tại 1260-1245 và cho tín hiệu rút chân, lực mua xuất hiện trên biểu đồ H1.

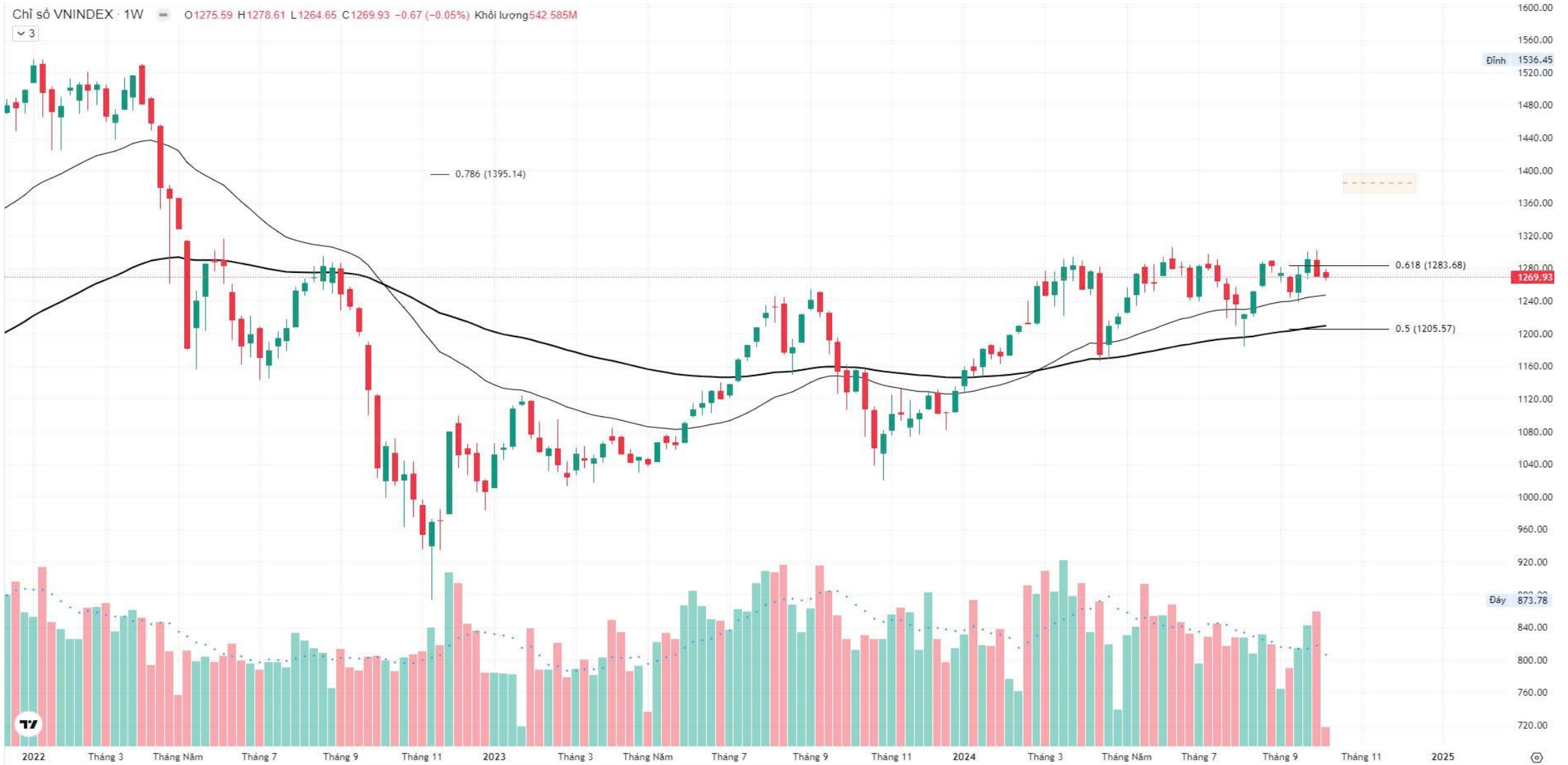
Kịch bản 2: Thị trường điều chỉnh sâu hơn phá qua ngưỡng Hỗ trợ 1 với lực bán mạnh, khi thị trường cho tín hiệu ở ngưỡng Hỗ trợ 2, nhà đầu tư nên mở mua thăm dò, và mua gia tăng khi thị trường cho tín hiệu lực cầu vào mạnh. Trong trường hợp thị trường giảm qua ngưỡng Hỗ trợ 2, nhà đầu tư mua lần 2 ở ngưỡng Hỗ trợ 3 là vùng giá 1186+/- điểm, xác định mốc 1164-1185 điểm là hỗ trợ cho giao dịch này.

Khuyến nghị

Thị trường chung đang cho tín hiệu điều chỉnh ngắn hạn, sau khi chưa vượt qua được 1300 ở tháng 9. Nhà đầu tư chú trọng giao dịch ngắn hạn trong biên độ giá thị trường đi ngang như chúng tôi đề cập trong 2 kịch bản kể trên, đưa ra quyết định mua khi thị trường di chuyển tới mốc hỗ trợ.

Thanh khoản của thị trường giai đoạn vừa qua ở mức trung bình, do đó nhà đầu tư ưu tiên chú ý đến các **cổ phiếu quy mô vừa trong các ngành ngân hàng, chứng khoán, dầu khí, kho vận...**

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 10/2024



MỤC LỤC

TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI 09

TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM 16

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 25

NHẬN ĐỊNH & KHUYẾN NGHỊ 31



Trải nghiệm ngay
ứng dụng ABS invest



Mở tài khoản để tham gia
room tư vấn của
Trung tâm Tư vấn Đầu tư ABS

TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI



Trải nghiệm ngay
ứng dụng ABS invest

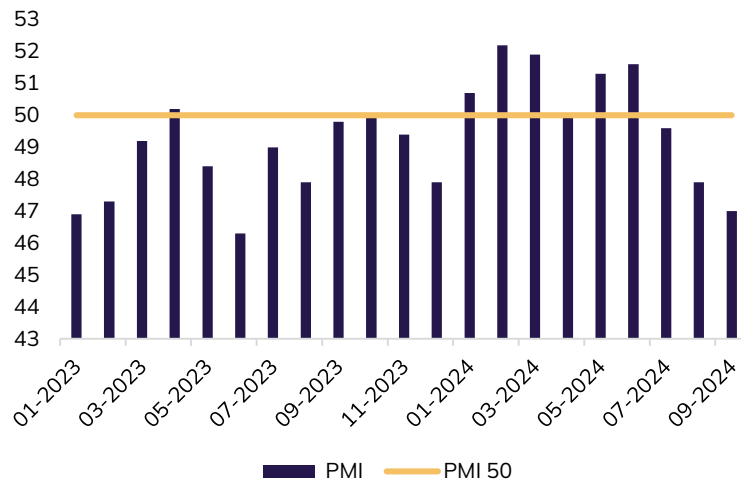


Mở tài khoản để tham gia
room tư vấn của Trung
tâm Tư vấn Đầu tư ABS



Mỹ: Lạm phát gần đạt được mục tiêu, sản xuất tiếp tục suy yếu

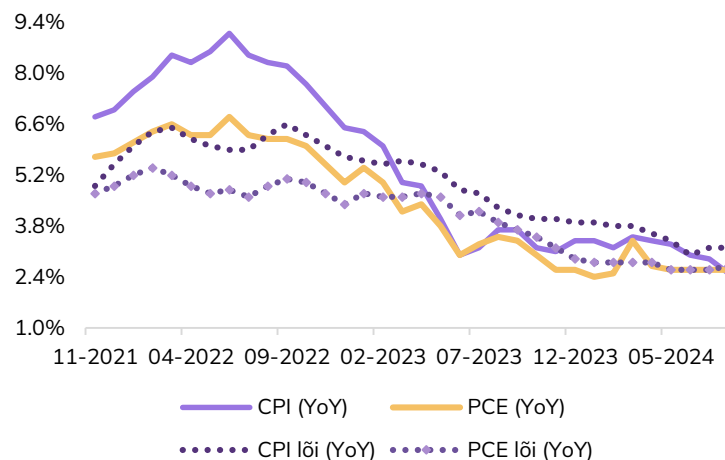
PMI tiếp tục thu hẹp



Nguồn: Investing, ABS Research

- Chỉ số nhà quản trị mua hàng lĩnh vực sản xuất (PMI) tháng 9 chỉ đạt 47 điểm, thấp hơn nhiều so với mức dự báo 48.6. Cho thấy tình hình kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất hàng hóa tiếp tục suy giảm tháng thứ ba liên tiếp và đây là tốc độ suy giảm mạnh nhất kể từ tháng 6 năm 2023.
- Đóng góp tiêu cực lớn nhất vào PMI đến từ các đơn đặt hàng mới, giảm với tốc độ nhanh nhất kể từ tháng 12/2022, theo sau đó là việc làm sản xuất suy yếu nghiêm trọng. Ngoài ra, chi phí đầu vào tăng nhanh nhất trong vòng 6 tháng qua. Sản xuất tiếp tục sụt giảm, tuy nhiên, tốc độ giảm thấp hơn so với tháng 8.

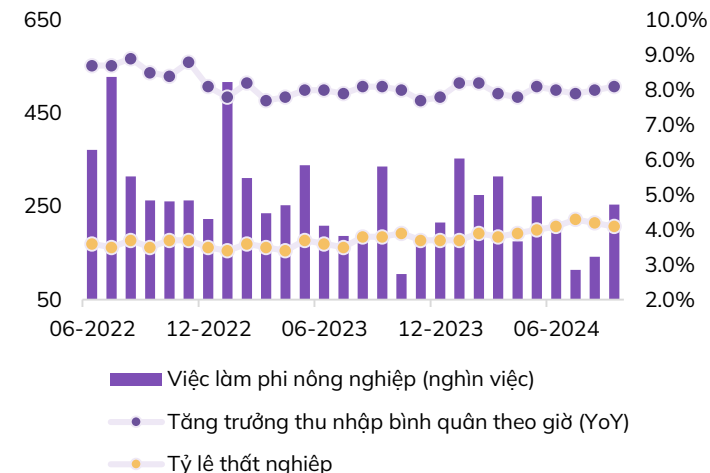
CPI Mỹ giảm chỉ còn 2.5%



Nguồn: Investing, ABS Research

- Tháng 8/2024 tiếp tục đánh dấu tháng thứ 5 CPI giảm trong năm nay và đạt 2.5%, giảm mạnh so với mức 2.9% trong tháng 7. Lạm phát giảm nhanh chủ yếu đến từ chi phí năng lượng do giá xăng dầu giảm mạnh trong khoảng thời gian vừa qua.
- Số liệu PCE lõi (ngoại trừ năng lượng và thực phẩm) tháng 8 tăng 2.7% svck, khớp với dự báo. Tuy nhiên, cao hơn so với tháng trước đó ở mức 2.6%. PCE lõi tăng 0.1% so với tháng trước, đây là mức tăng thấp nhất trong 3 tháng. Việc CPI và PCE ổn định sẽ là tiền đề cho FED tiếp tục thực hiện nới lỏng chính sách tiền tệ.

Số liệu việc làm

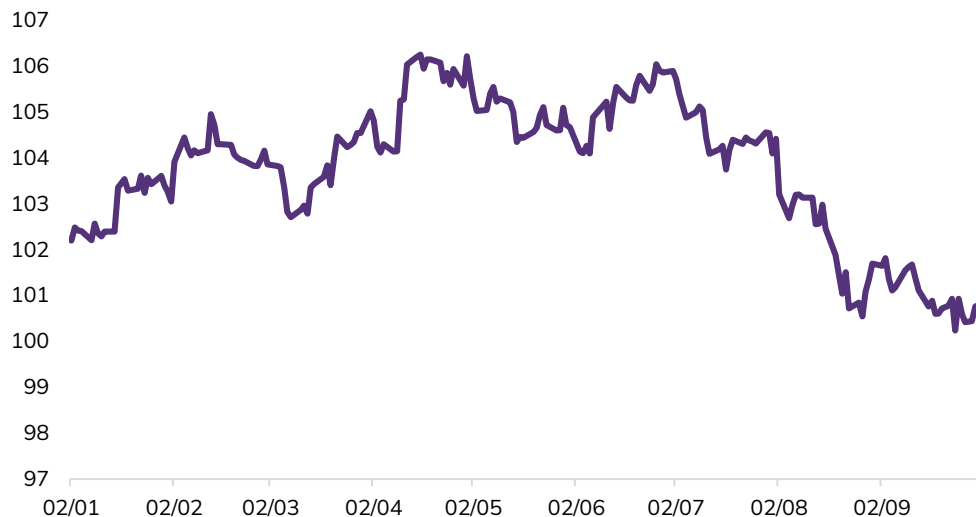


Nguồn: Investing, ABS Research

- Trong tháng 9/2024, nền kinh tế Mỹ đã tạo ra 254.000 việc làm phi nông nghiệp, cao hơn nhiều so với dự báo 140.000 từ các nhà kinh tế. Điều này cho thấy thị trường lao động Mỹ vẫn duy trì sức mạnh đáng kể, bất chấp những lo ngại về suy giảm kinh tế.
- Tỷ lệ thất nghiệp giảm nhẹ xuống 4,1% so với tháng trước, thấp hơn mức dự báo của thị trường là 4.2%. Tuy nhiên, số lượng người thất nghiệp dài hạn, những người không có việc làm trong 27 tuần, vẫn ổn định ở mức 1,6 triệu người, so với cùng kỳ năm trước là 1.3 triệu người. Báo hiệu việc tuyển dụng và tăng trưởng việc làm trong tương lai sẽ gặp nhiều cản trở.

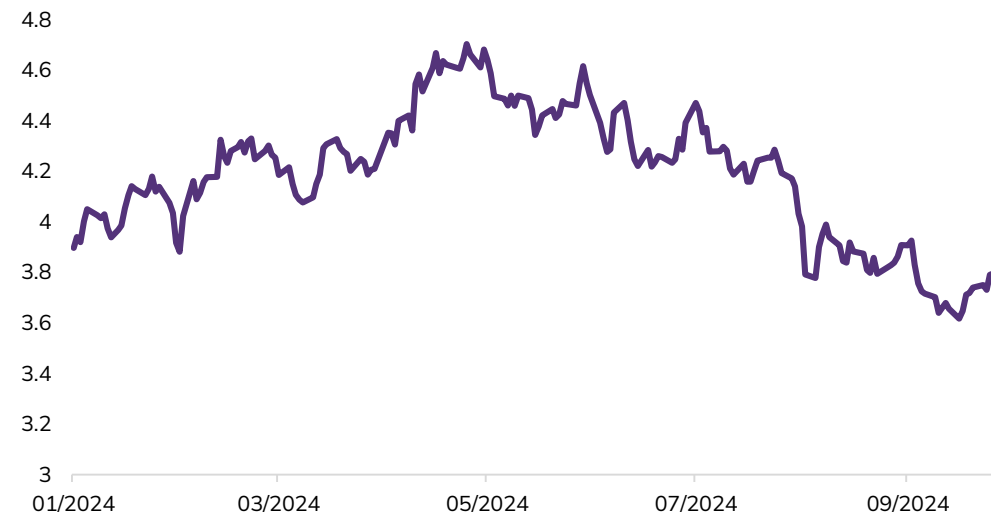
DXY và lợi suất TPCP Mỹ 10 năm khi Fed cắt giảm lãi suất

DXY duy trì xu hướng giảm



Nguồn: Investing, ABS Research

Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (Đơn vị : %)

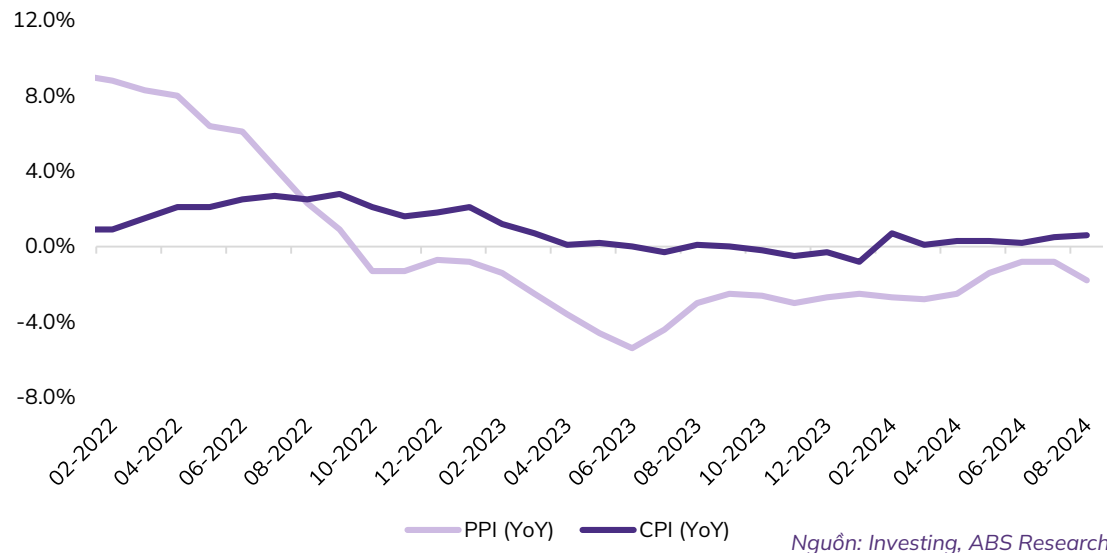


Nguồn: Investing, ABS Research

- Trong cuộc họp vào ngày 18/9, Ủy ban Thị trường Mở Liên bang (FOMC) đã công bố quyết định hạ mức lãi suất mục tiêu cho quỹ liên bang xuống 0,5 điểm phần trăm, đưa mức lãi suất xuống còn 4,75% đến 5,00%. Đây là lần đầu tiên cắt giảm lãi suất trong bốn năm qua, phản ánh sự tự tin ngày càng tăng của Ủy ban rằng lạm phát đang tiến gần hơn đến mục tiêu dài hạn 2%.
- Theo công cụ FedWatch của CME Group, tỷ lệ Fed hạ lãi suất 0.25% trong tháng 11 đang ở mức 58.3% trong khi 41.7% còn lại cho rằng Fed sẽ phải hạ lãi suất 0.5% để tránh nền kinh tế Mỹ rơi vào suy thoái.
- Sau cuộc họp FOMC, chỉ số DXY tiếp tục duy trì xu hướng giảm, xuống 100.22 điểm vào ngày 30/9/2024. Kỳ vọng FED tiếp tục cắt giảm lãi suất trong năm nay đang và sẽ tiếp tục phản ánh lên chỉ số này.

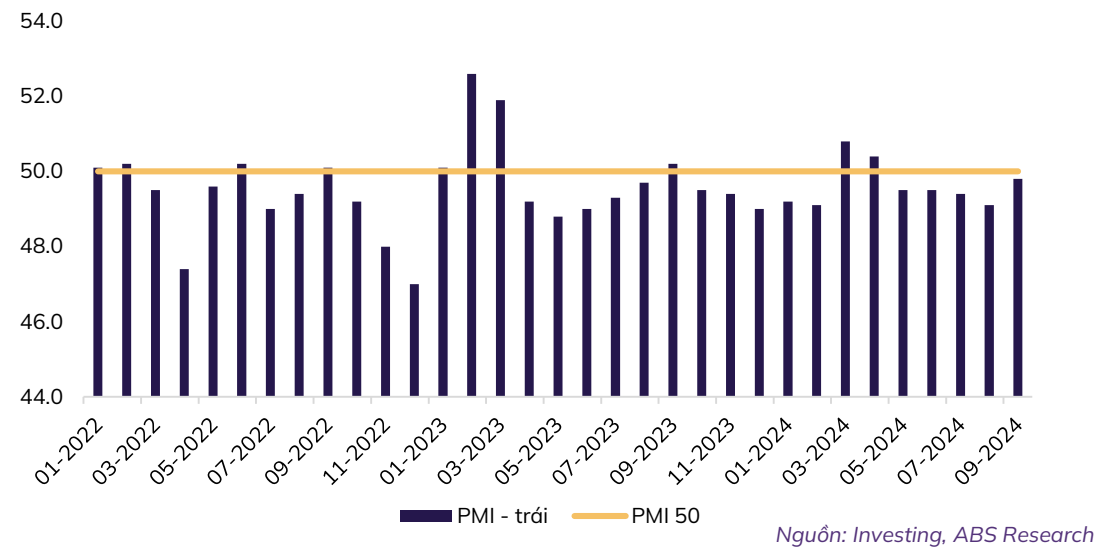
- Lợi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 10 năm đạt mức 3.76% vào ngày 30/9, tăng nhẹ từ đáy thấp nhất trong vòng hơn 1 năm qua, do việc dự đoán cắt giảm lãi suất đã được phản ánh vào lợi suất từ trước khi FED công bố quyết định hạ lãi suất (lợi suất TPCP liên tục giảm mạnh khi thiết lập đỉnh vào hồi tháng 5).
- Việc lợi suất TPCP trong xu hướng giảm thời gian qua vẫn chưa xoa dịu được những lo lắng dài hạn trong một số nhà đầu tư về tài sản nền tảng này đối với thị trường tài chính - chủ yếu là những quan ngại về gánh nặng nợ gia tăng của Mỹ và căng thẳng địa chính trị có thể khiến một số nhà đầu tư nước ngoài giảm quy mô nắm giữ TPCP. Theo một số chuyên gia dự báo đến năm 2028, chi phí lãi vay sẽ chiếm hơn 60% thâm hụt liên bang Mỹ. Ngoài ra, những sự phân mảnh địa chính trị và nhu cầu gia tăng ở phần còn lại của thế giới đối với các khoản đầu tư trong nước đe dọa làm giảm lượng thanh dư có thể chuyển vào thị trường Mỹ.

Lạm phát không tăng



- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8/2024 tăng 0,6% so với cùng kỳ năm 2023 và tăng so với mức 0,4% của tháng trước, thấp hơn kỳ vọng của thị trường ở mức 0.7% và đạt mức tăng trưởng lạm phát cao nhất kể từ tháng 3/2024. Nguyên nhân chủ yếu của CPI tăng là do thời tiết cực đoan đẩy giá lương thực, thực phẩm tăng cao. Tháng này cũng đánh dấu tháng thứ 7 liên tiếp CPI của Trung Quốc ở trên ngưỡng 0% khi Bắc Kinh công bố gói kích thích lớn nhất kể từ đại dịch nhằm kéo nền kinh tế ra khỏi tình trạng giảm phát. Các gói kích thích kinh tế này là cần thiết giúp Trung Quốc đạt mục tiêu tăng trưởng 5% trong năm nay.
- Ở chiều ngược lại, chỉ số PPI tiếp tục giảm -1.8% svck, thấp hơn mức dự báo của thị trường là -1.5%. Đây là mức giảm mạnh so với mức giảm -0.8% vào tháng 7. PPI Trung Quốc đã giảm 23 tháng liên tiếp. Lý do chính cho việc giảm này chủ yếu đến từ nhu cầu nội địa yếu và giá hàng hóa quốc tế giảm.

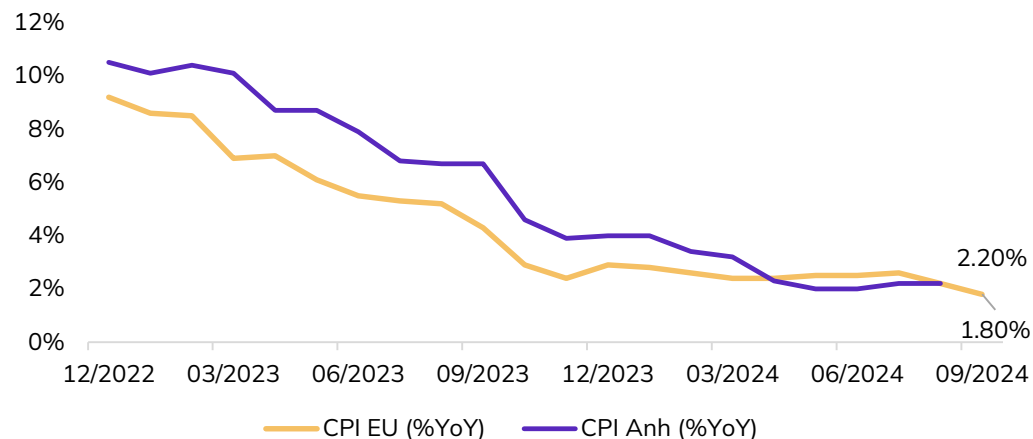
Ngành sản xuất có tháng thứ 5 liên tiếp thu hẹp



- Theo số liệu công bố ngày 30/8 của Tổng Cục thống kê Trung Quốc, chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất nước này tháng 9 đạt 49.8, tăng so với mức 49.1 trong tháng 8, cao hơn kỳ vọng thị trường ở mức 49.4, đánh dấu tháng thứ 5 liên tiếp chỉ số này nằm dưới mức 50. Nhu cầu tiếp tục suy yếu, với đơn hàng mới giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 9/2022. Nhu cầu từ nước ngoài cũng suy giảm, số đơn hàng xuất khẩu đạt mức thấp nhất trong 13 tháng. Giá nguyên vật liệu đầu vào và xuất xưởng đều giảm do sự sụt giảm trong giá kim loại. Trong khi đó, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục rút khỏi Trung Quốc và các ngân hàng lớn tiếp tục cắt giảm lao động khiến tỷ lệ thất nghiệp tiếp tục tăng cao.
- Chỉ số PMI Caixin (chỉ số tập trung vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ với thiên hướng xuất khẩu) giảm xuống mức 49.3 sau khi vừa quay trở lại tăng và đạt mức 50.4 vào tháng 8.

» Kinh tế châu Âu gặp khó, lạm phát ở mức thấp

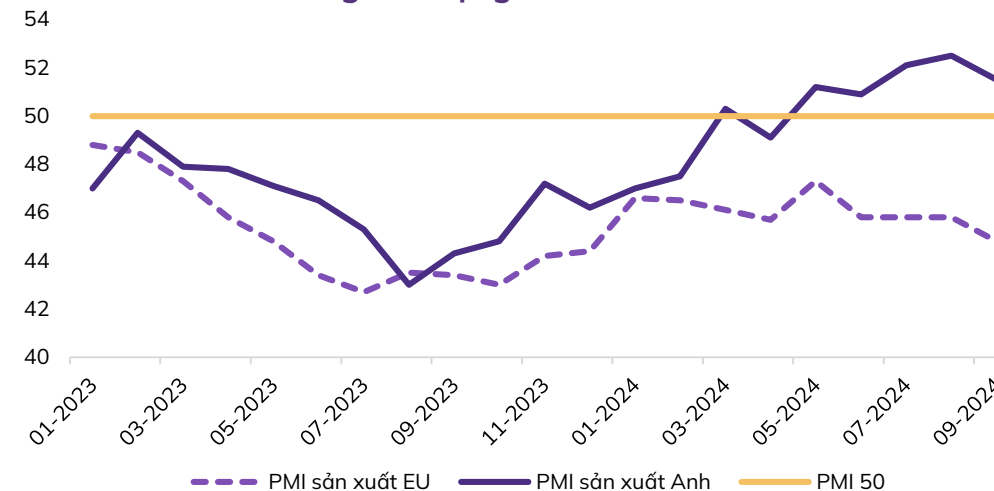
Lạm phát ở mức thấp tại Khu vực kinh tế Châu Âu



Nguồn: Investing, ABS Research

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8/2024 của EU tiếp tục giảm còn 1.8% so với mức 2% của tháng 7 và đây là mức CPI thấp nhất kể từ tháng 5/2021, Số liệu CPI tháng vượt qua cả mục tiêu của ECB là đưa lạm phát trở về mức 2%. Nhưng khi đi sâu phân tích CPI, ABS nhận thấy rằng sự giảm tốc trong CPI chủ yếu đến từ giá năng lượng giảm mạnh -6% svck và -3% so với tháng trước. ABS tiếp tục giữ quan điểm giống tháng trước, mức giảm CPI này có thể chỉ mang yếu tố thời điểm vì giá năng lượng thường không ổn định và biến động rất mạnh. Điều này được thể hiện qua CPI lõi (ngoài trừ năng lượng và thực phẩm) tháng 9 chỉ giảm nhẹ xuống 2.7% từ 2.8% trong tháng trước.
- Chỉ số giá tiêu dùng ở Anh đạt mức 2.2% trong tháng 8 bằng với mức trong tháng 7. Mức đóng góp lớn nhất cho CPI đến từ giá máy bay khi mà giá máy bay năm nay tăng trong khi cùng kì năm ngoái giá máy bay giảm. Các chuyên gia kỳ vọng BoE sẽ có thêm một đợt giảm lãi suất trong kỳ họp tháng 11 hoặc tháng 12 năm 2024 và các đợt cắt giảm lãi suất trong suốt năm 2025, đưa lãi suất cơ bản xuống khoảng 3,25% vào giữa năm tới.

PMI Anh và EU – Đồng thời sụt giảm



Nguồn: Investing, ABS Research

- PMI sản xuất khu vực Eurozone đạt 44.8 điểm, tiếp tục sụt giảm so với mức 45,8 của tháng trước, đây là mức PMI thấp nhất trong năm 2024. Cho tới nay, PMI Châu Âu đã ở mức thu hẹp trong 16 tháng liên tiếp. Sự sụt giảm này phản ánh tình trạng suy thoái kéo dài trong lĩnh vực sản xuất khi mà số lượng đơn đặt hàng mới giảm mạnh, dẫn tới số lượng hàng hóa được sản xuất ra suy giảm nghiêm trọng. Chúng tôi cho rằng, lĩnh vực sản xuất ở khu vực Eurozone sẽ chưa thể phục hồi ngay và gặp rất nhiều khó khăn trong thời gian tới.
- Chỉ số sản xuất PMI của Anh đạt 51.5 trong tháng 9/2024, giảm so với mức 52.5 của tháng 8 và thấp hơn so với mức kỳ vọng là 52.5. Đây là tháng thứ 5 liên tiếp ngành sản xuất UK mở rộng. Đơn hàng mới tuy tiếp tục tăng trưởng nhưng có sự chậm lại, với việc doanh số bán hàng yếu tại EU. Ngoài ra, thời gian giao hàng kéo dài và chi phí vận chuyển tăng cũng khiến PMI suy giảm tốc độ mở rộng.



TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM



Trải nghiệm ngay
ứng dụng ABS invest

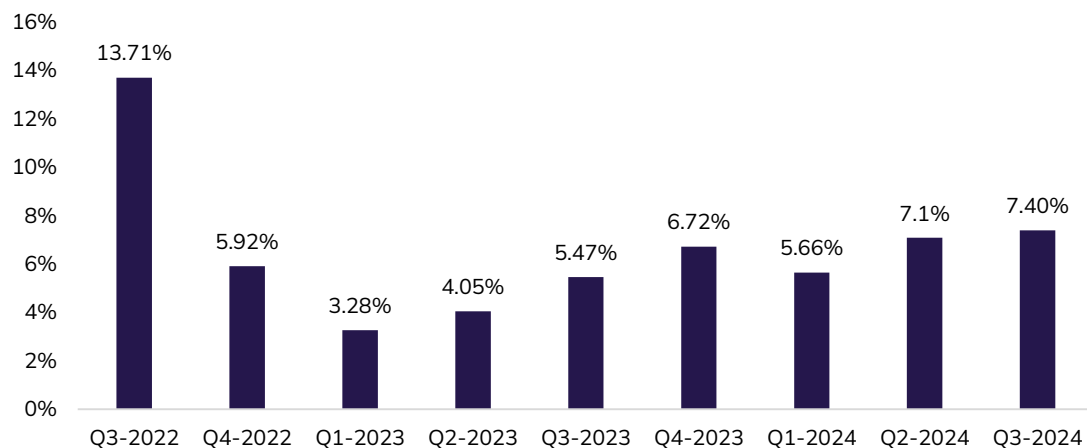


Mở tài khoản để tham gia
room tư vấn của Trung
tâm Tư vấn Đầu tư ABS



• GDP quý 3 tăng trưởng ấn tượng 7,4%

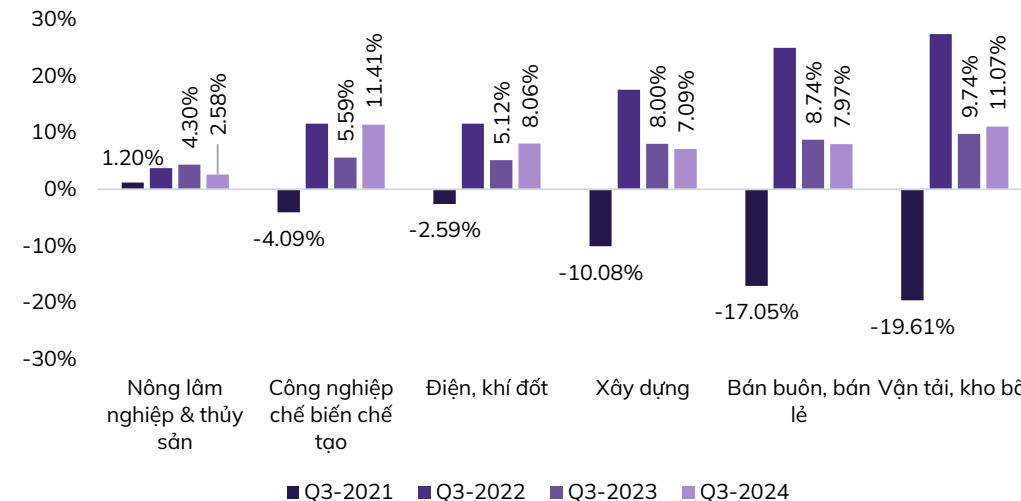
Tăng trưởng GDP Q3 ấn tượng (% svck)



Nguồn: ABS Research

- Bất chấp siêu bão Yagi, GDP quý 3/2024 tăng ấn tượng đạt 7,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Như vậy, ba quý đầu năm, GDP tăng 6,82% so với năm trước, cao hơn tốc độ tăng của 3Q năm 2020 và 2021 - thời điểm chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 và năm 2023. Tuy nhiên, mức này vẫn thấp hơn so với 3Q đầu năm 2022.
- Kết quả tăng trưởng ấn tượng này đạt được chủ yếu dựa vào các yếu tố hỗ trợ mạnh mẽ như xuất nhập khẩu hồi phục mạnh, đầu tư xã hội tiếp tục tăng trưởng ổn định, các biện pháp hỗ trợ từ Chính phủ như chính sách tiền tệ linh hoạt và chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và phục hồi tiêu dùng nội địa.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong tháng 9 ước đạt 535,8 nghìn tỷ đồng, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, doanh thu nhóm hàng lương thực, thực phẩm tăng 10,6% và lưu trú, ăn uống tăng 7,9%.

Điểm sáng trong công nghiệp chế biến chế tạo



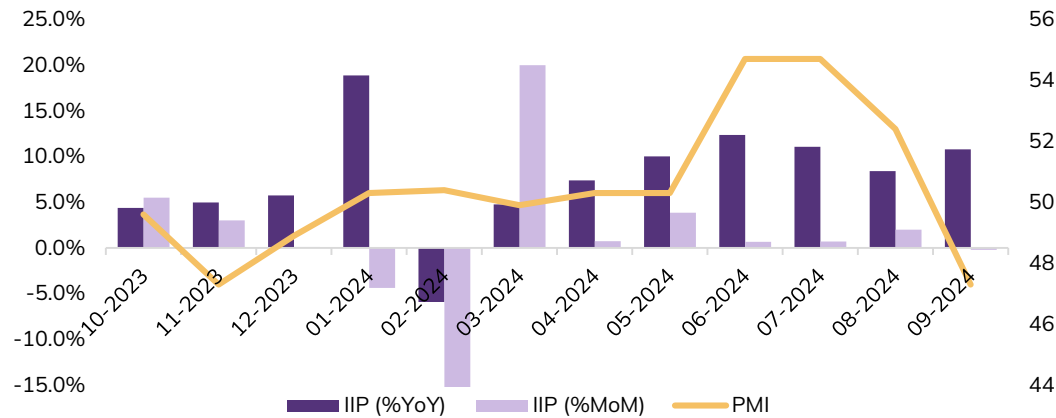
Nguồn: ABS Research

Xét theo nhóm ngành:

- Khu vực công nghiệp và xây dựng, bao gồm nhiều ngành công nghiệp trọng điểm tăng cao 9,11% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 3.42 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng với tốc độ tăng 11.41% svck, đóng góp 2,77 điểm phần trăm. Ngành xây dựng tăng 7,09%, đóng góp 0,5 điểm phần trăm.
- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chịu ảnh hưởng nặng nề từ cơn bão Yagi vào tháng 9/2024 nên tăng trưởng chậm lại so với cùng kỳ. Giá trị tăng thêm khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2.58%, chỉ cao hơn tốc độ tăng của cùng kỳ năm 2020 trong giai đoạn 2020-2024.
- Khu vực dịch vụ quý 3 năm 2024 tăng 7.51% nhờ đóng góp của một số ngành dịch vụ có tỷ trọng lớn như sau: bán buôn và bán lẻ tăng 7,97%; ngành vận tải, kho bãi tăng 11,07%.

Sản xuất công nghiệp chịu ảnh hưởng của bão Yagi

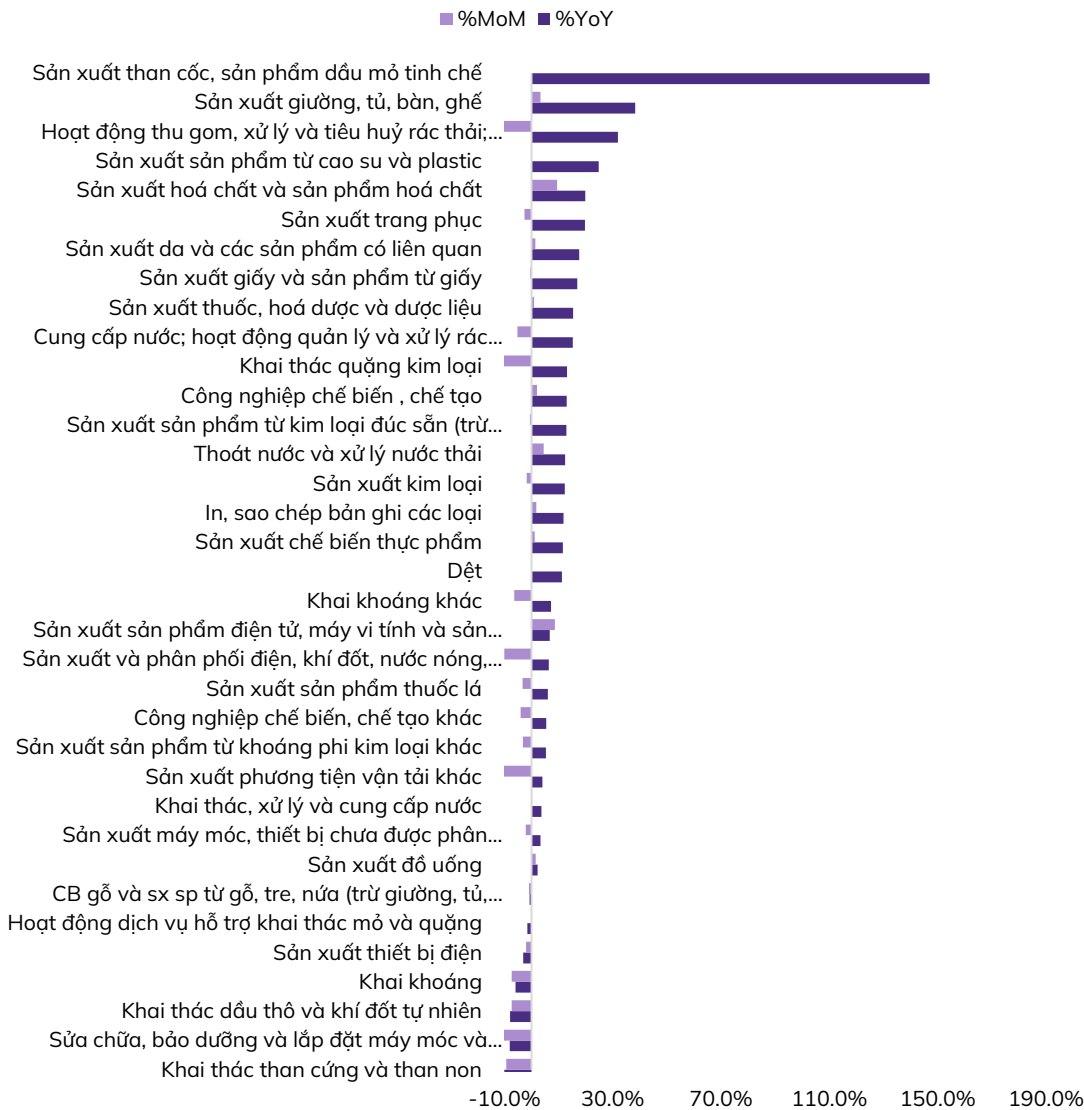
PMI sụt giảm do bão Yagi



Nguồn: GSO, S&P Global, ABS Research

- Chỉ số **PMI** của Việt Nam đạt 47.3 điểm trong tháng 9, giảm từ mức 52.4 điểm của tháng 8, cho thấy sức khỏe ngành sản xuất đã yếu đi ở mức đáng kể nhất kể từ tháng 11 năm ngoái. Lý do chính là cơn bão Yagi đã có ảnh hưởng nặng nề lên ngành sản xuất của Việt Nam với mưa lớn và lũ lụt dẫn đến đóng cửa hoạt động kinh doanh tạm thời và sự chậm trễ ở các dây truyền sản xuất và chuỗi cung ứng. Kết quả là, sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới, hoạt động mua hàng và tồn kho hàng hóa đầu vào đều giảm. Chi phí đầu vào tăng trong bối cảnh giá nguyên liệu thô tăng và chi phí vận chuyển tăng. Điểm tích cực là sự gián đoạn được cho chỉ là tạm thời và các công ty vẫn tự tin vào triển vọng sản xuất, từ đó tăng số lượng việc làm cho phù hợp.
- Chỉ số IIP** - Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 9 ước tính tăng 10,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành khai khoáng giảm 5,9% với cùng kỳ năm trước; ngành chế biến, chế tạo tăng 13,1%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6,4%. Đặc biệt, ngành sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng trưởng cực kỳ ấn tượng với mức tăng 147%.

Thống kê tăng trưởng sản xuất công nghiệp theo nhóm ngành (09/2024)

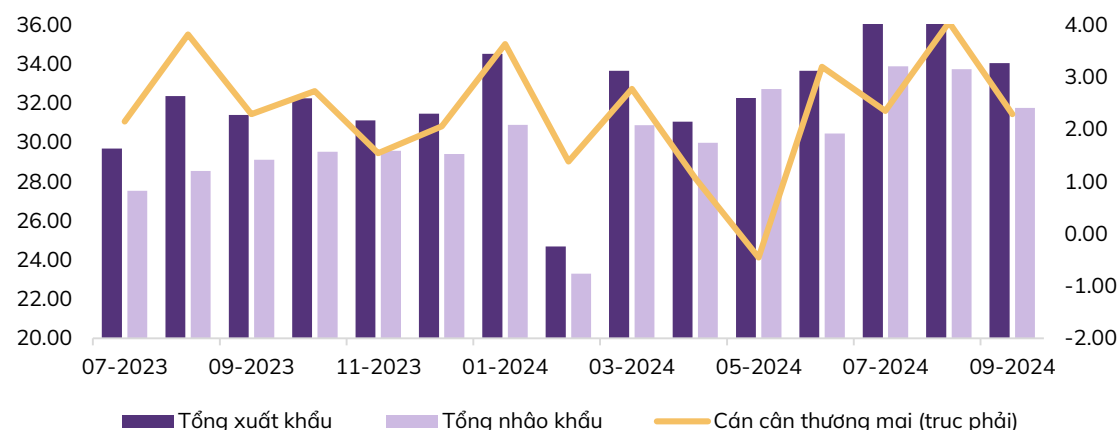


Nguồn: GSO, ABS Research

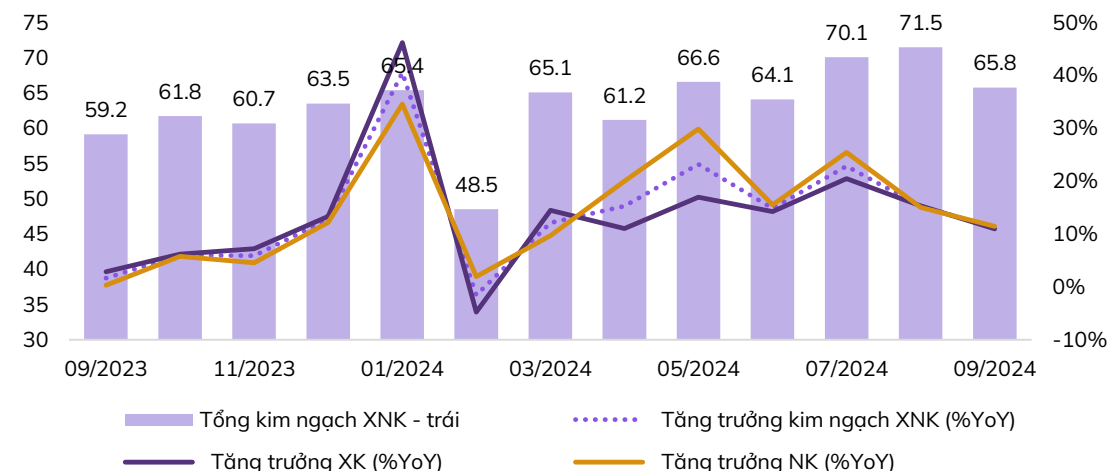
• Xuất nhập khẩu mạnh mẽ trong 9 tháng đầu năm 2024

- **Xuất – nhập khẩu:** Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 9/2024, ước đạt 65,81 tỷ USD, giảm 7.9% so với tháng trước nhưng tăng 11.23% so với cùng kỳ năm trước.
- Kim ngạch xuất khẩu sơ bộ đạt 34.05 tỷ USD, giảm 9.9% so với tháng trước nhưng tăng 10,7% svck. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 9.39 tỷ USD, giảm 14.4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 24.66 tỷ USD, giảm 8.1%. Nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 31.76 tỷ USD, giảm 5,9% so với tháng trước nhưng tăng 11,1% svck.
- Cán cân thương mại tháng 9/2024 ước tính xuất siêu 2,29 tỷ USD, giảm so với 4,05 tỷ USD đạt được tháng trước.
- Tính chung 9 tháng đầu 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 299.63 tỷ USD, tăng 15.4% svck trong khi kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 278.84 tỷ USD, tăng 17.3%. Cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 20,79 tỷ USD.
- Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 89,5 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 105 tỷ USD.
- Trong 9 tháng năm 2024 có 30 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 92,3% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 7 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 66,4%). Trong đó đồ điện tử, máy tính và linh kiện đạt 52.75 tỷ USD, tăng 27.4% svck, điện thoại và linh kiện đạt 41.89 tỷ USD, tăng 7.2% svck, máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác đạt 37.79 tỷ USD tăng 22.1% svck. Các mặt hàng nhập khẩu nhiều nhất gồm điện tử, máy tính và linh kiện (+25.8% svck), máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác (+16.6%) và vải (+14.3% svck).
- Tính riêng Q3/2024, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ ước đạt 5,9 tỷ USD, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2023 và tăng 4,2% so với quý trước; kim ngạch nhập khẩu dịch vụ ước đạt 9,8 tỷ USD, tăng 26% so với cùng kỳ năm trước và tăng 11,8% so với quý trước.

Xuất siêu gần 2,3 tỷ USD trong tháng 9 (Đvt: Tỷ USD, %YoY)



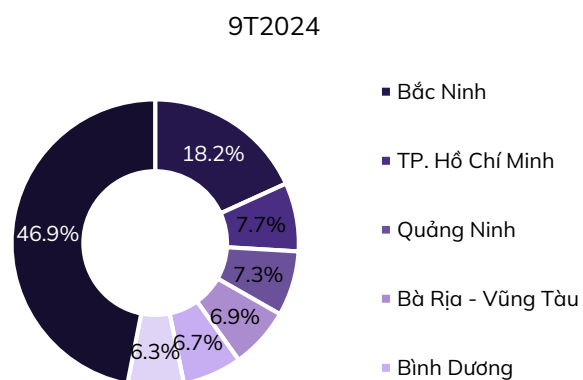
Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu duy trì tích cực (Đvt: Tỷ USD, %YoY)



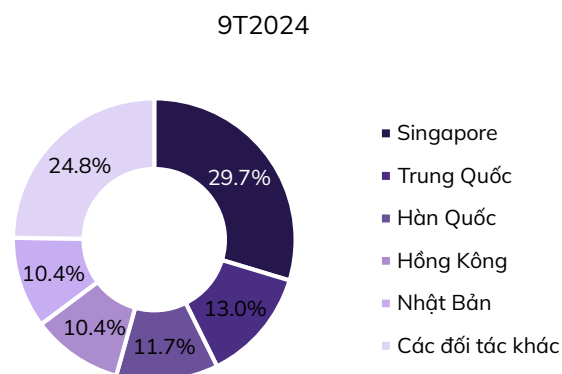
• Dòng vốn FDI tiếp tục tăng trưởng ổn định

- Tính đến hết tháng 9 năm 2024, tổng vốn đăng ký mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt hơn 24,78 tỷ USD, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm 2023. Có 2.492 dự án mới được cấp phép, giảm 4,3% so với cùng kỳ năm trước, tổng vốn đăng ký đạt hơn 13,55 tỷ USD và tăng 11,3% so với cùng kỳ. Có 1.027 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư, tăng 7,3% so với cùng kỳ, tổng vốn đăng ký tăng thêm đạt hơn 7,64 tỷ USD và tăng 48,1% so với cùng kỳ. Ngược lại với vốn đăng ký mới và điều chỉnh, số lượng giao dịch và tổng giá trị vốn góp, mua cổ phần giảm lần lượt 6.5% và 26.2% so với cùng kỳ. Về vốn thực hiện, lũy kế 9 tháng, vốn giải ngân đạt khoảng hơn 17,3 tỷ USD, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2023.
- Các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18 ngành trong tổng số 21 ngành kinh tế quốc dân. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt gần 15,64 tỷ USD, chiếm gần 63,1% tổng vốn đầu tư đăng ký, giảm nhẹ 0,4% so với cùng kỳ. Ngành kinh doanh bất động sản đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư hơn 4,38 tỷ USD, chiếm gần 17,7% tổng vốn đầu tư đăng ký, gấp hơn 2,2 lần cùng kỳ.
- Về đối tác đầu tư, Singapore tiếp tục dẫn đầu với tổng vốn đầu tư hơn 7,35 tỷ USD, chiếm gần 29,7% tổng vốn đầu tư, tăng 69% so với cùng kỳ 2023. Trung Quốc đứng thứ hai với hơn 3,2 tỷ USD, chiếm 13% tổng vốn đầu tư, giảm 4,5% so với cùng kỳ. Tiếp theo là Hàn Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản,...
- Theo địa bàn đầu tư, Bắc Ninh dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 4,5 tỷ USD, chiếm 18,2% tổng vốn đầu tư cả nước, gấp 3,47 lần cùng kỳ. Tiếp theo là TP Hồ Chí Minh với hơn 1,91 tỷ USD, chiếm 7,7% tổng vốn đầu tư đăng ký, giảm 15,1% so với cùng kỳ.

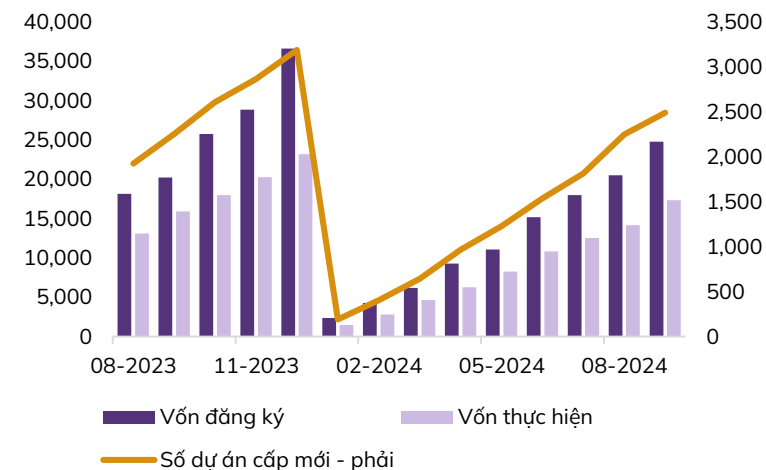
Cơ cấu vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo địa phương



Cơ cấu vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo đối tác



Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (Đvt: Tỷ USD)

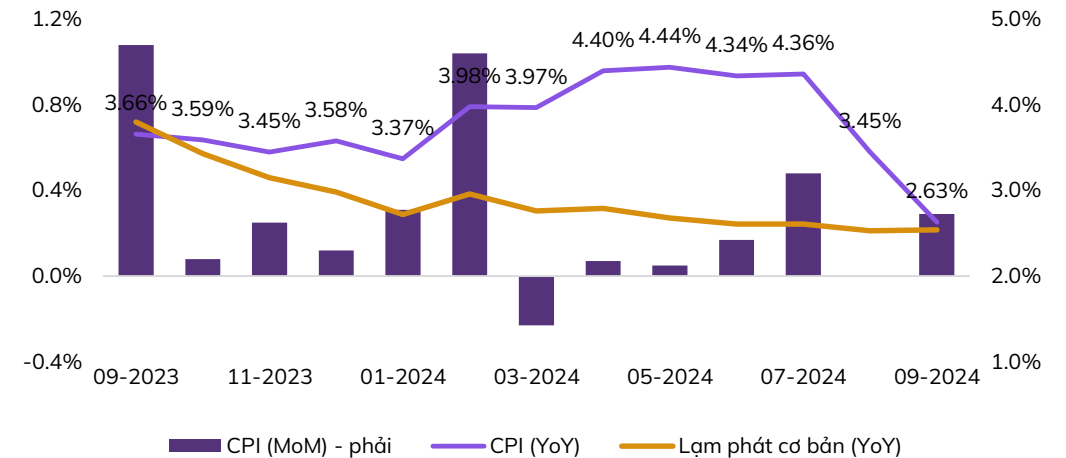


Nguồn: GSO, ABS Research

➤ CPI tiếp tục hạ nhiệt

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9-2024 tăng 2.63% svck, tăng 0,29% so với tháng trước.
- Trong mức tăng 0,29% của CPI tháng 9/2024 so với tháng trước, có 09 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng và 02 nhóm hàng có chỉ số giá giảm. Nhóm giáo dục tăng mạnh nhất, ở mức 2,09%, do một số địa phương điều chỉnh học phí áp dụng cho năm học 2024-2025 ở một số trường. Theo sau, là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,92% làm CPI chung tăng 0,31 điểm phần trăm. Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng tăng 0,52% chủ yếu là do nhu cầu thuê nhà tại một số địa phương tăng khi bước vào năm học mới. Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,24%, trong đó, giá đồ trang sức tăng 1,65% theo giá vàng thế giới. Nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,15% do chi phí nhân công và nhu cầu mua sắm khi vào năm học mới tăng.
- CPI bình quân 9 tháng năm 2024 tăng 3,88% svck, do một số nguyên nhân chủ yếu sau: giá gạo (+14.23%), giá nhà ở thuê và nhà chủ sở hữu tính (+4.61%), giá điện sinh hoạt tăng (+8,08%), giá nước tăng (+9,42%),...

CPI và lạm phát cơ bản các tháng



Nguồn: GSO, ABS Research

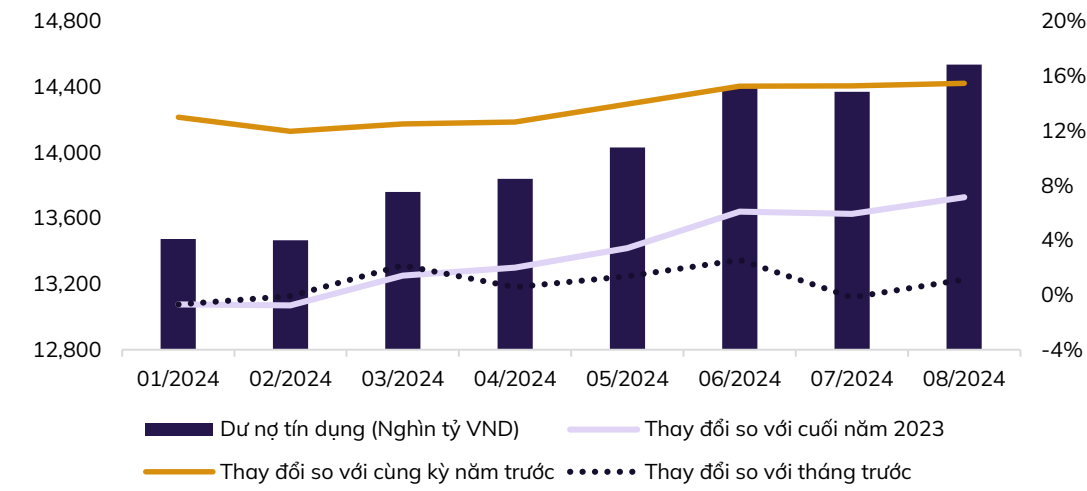
Thống kê giỏ hàng hóa tiêu dùng các tháng

Giỏ hàng hóa tiêu dùng	09-2023	10-2023	11-2023	12-2023	01-2024	02-2024	03-2024	04-2024	05-2024	06-2024	07-2024	08-2024	09-2024
CPI (YoY)	3.66%	3.59%	3.45%	3.58%	3.37%	3.98%	3.97%	4.40%	4.44%	4.34%	4.36%	3.45%	2.63%
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	2.87%	2.81%	2.98%	2.93%	2.31%	4.23%	4.05%	4.32%	4.47%	4.66%	4.27%	3.74%	3.94%
Lương thực	10.49%	11.34%	13.24%	14.66%	15.63%	17.36%	16.54%	15.45%	14.83%	14.78%	14.39%	10.97%	8.37%
Thực phẩm	1.17%	0.93%	0.91%	0.70%	-0.34%	2.14%	1.94%	2.49%	2.87%	3.23%	2.75%	2.55%	3.24%
Ăn uống ngoài gia đình	4.00%	4.00%	3.97%	3.77%	3.60%	4.20%	4.29%	4.37%	4.25%	4.09%	3.94%	3.72%	3.84%
Đồ uống và thuốc lá	3.04%	2.84%	2.77%	2.46%	1.70%	2.64%	2.63%	2.60%	2.61%	2.63%	2.52%	2.39%	2.30%
May mặc và giày dép	2.06%	1.97%	1.95%	1.80%	1.39%	1.64%	1.60%	1.80%	1.70%	1.48%	1.34%	1.20%	1.17%
Nhà ở và VLXD	7.33%	6.88%	5.91%	5.67%	6.39%	4.95%	4.87%	5.97%	5.30%	5.60%	5.59%	5.00%	4.37%
Thiết bị và đồ dùng gia đình	1.79%	1.70%	1.50%	1.37%	1.14%	1.31%	1.18%	1.37%	1.33%	1.23%	1.15%	1.14%	1.17%
Thuốc và dịch vụ y tế	0.58%	0.54%	3.39%	5.53%	6.52%	6.52%	6.48%	7.44%	7.41%	8.04%	8.13%	8.30%	8.28%
Giao thông	3.20%	3.90%	1.63%	2.57%	1.58%	2.55%	2.68%	4.24%	5.58%	3.03%	4.40%	-1.46%	-5.33%
Bưu chính viễn thông	-1.29%	-1.34%	-1.42%	-1.36%	-1.41%	-1.48%	-1.47%	-1.50%	-1.42%	-1.18%	-1.06%	-0.74%	-0.42%
Giáo dục	7.25%	7.14%	8.23%	8.36%	8.39%	8.55%	10.12%	8.31%	8.14%	8.01%	8.00%	7.13%	1.21%
Văn hóa, giải trí và du lịch	1.37%	1.34%	1.21%	1.22%	0.90%	1.71%	1.45%	1.94%	2.01%	2.35%	2.29%	2.32%	2.03%
Đồ dùng và dịch vụ khác	5.93%	5.91%	6.02%	6.11%	5.79%	6.49%	6.32%	6.23%	6.19%	5.97%	6.93%	6.91%	6.98%

Nguồn: GSO, ABS Research

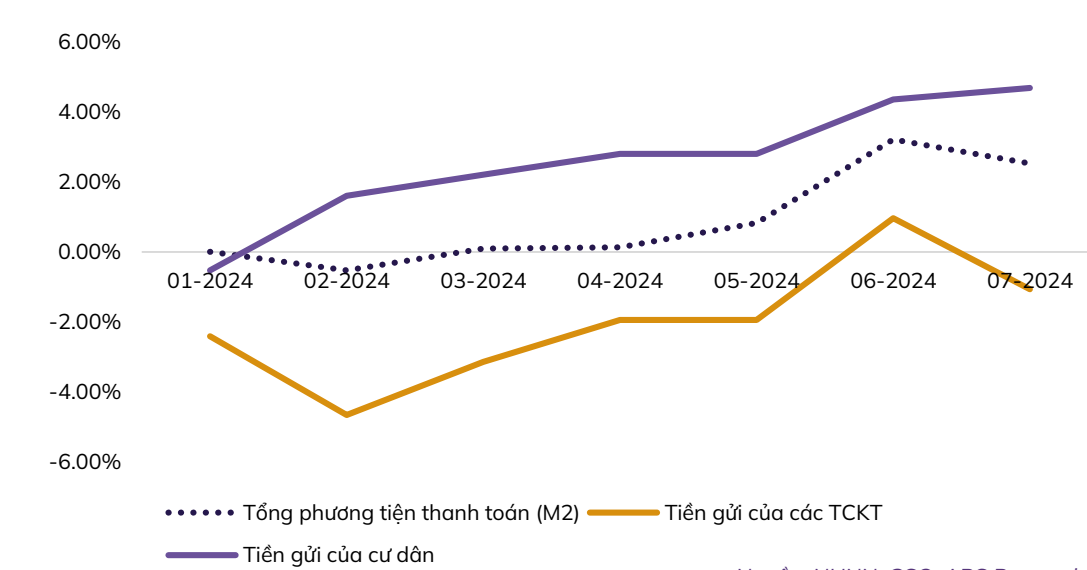
Tăng trưởng tín dụng tháng 9 đang được cải thiện

Tăng trưởng tín dụng 8 tháng đầu năm 2024 (nghìn tỷ đồng, %)



Nguồn: NHNN, GSO, ABS Research

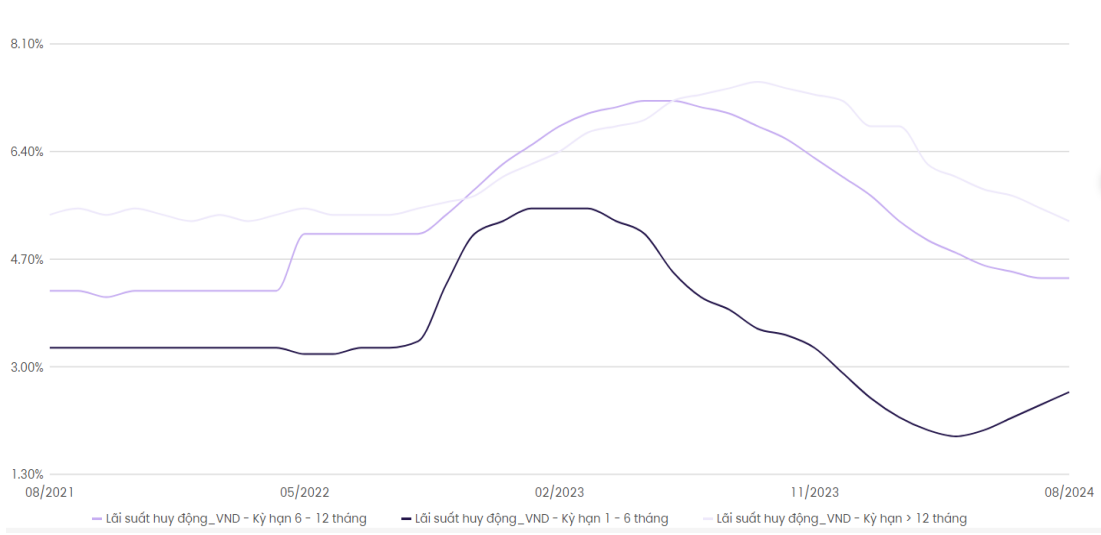
Tăng trưởng huy động 7 tháng đầu năm 2024 so với cuối năm 2023



Nguồn: NHNN, GSO, ABS Research

- Đến hết tháng 9 năm 2024, theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước tín dụng tăng 9% so với đầu năm và tăng 16% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, trong tháng 9, tăng trưởng tín dụng đã tăng thêm gần 2,4 điểm %, tương đương với quy mô là khoảng 300.000 tỷ đồng. Riêng trong nửa cuối tháng 9, lượng tín dụng được hệ thống ngân hàng bơm ra nền kinh tế là gần 220.000 tỷ đồng.
- Kết thúc 9 tháng đầu năm, ngành ngân hàng đã cho vay thêm được 1,2 triệu tỷ đồng, thực hiện được khoảng 60% mục tiêu tăng trưởng tín dụng đề ra và hạn mức có thể cho vay thêm trong quý 4 còn khoảng 800.000 tỷ đồng.
- Tuy nhiên tăng trưởng tiền gửi thấp hơn cho vay. Tính đến thời điểm 27/9/2024, huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 4,79% (cùng thời điểm năm trước tăng 6,63%). Việc tăng trưởng tiền gửi thấp hơn cho vay đang gây áp lực lên lãi suất huy động.

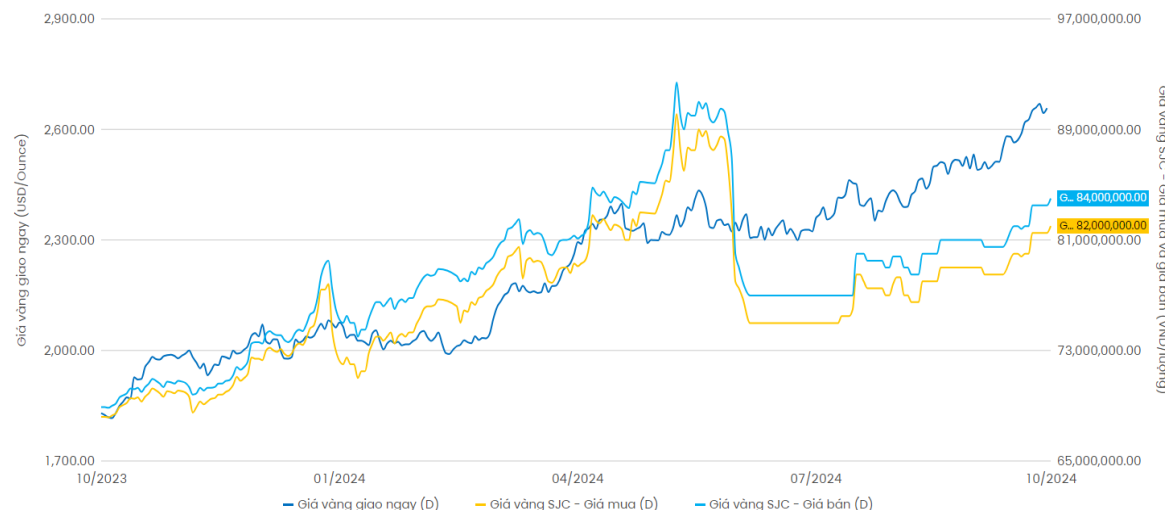
Lãi suất huy động mọi kỳ hạn có xu hướng tăng trở lại



Nguồn: Finnpro, ABS Research

• Giá vàng thế giới tiếp tục lập đỉnh

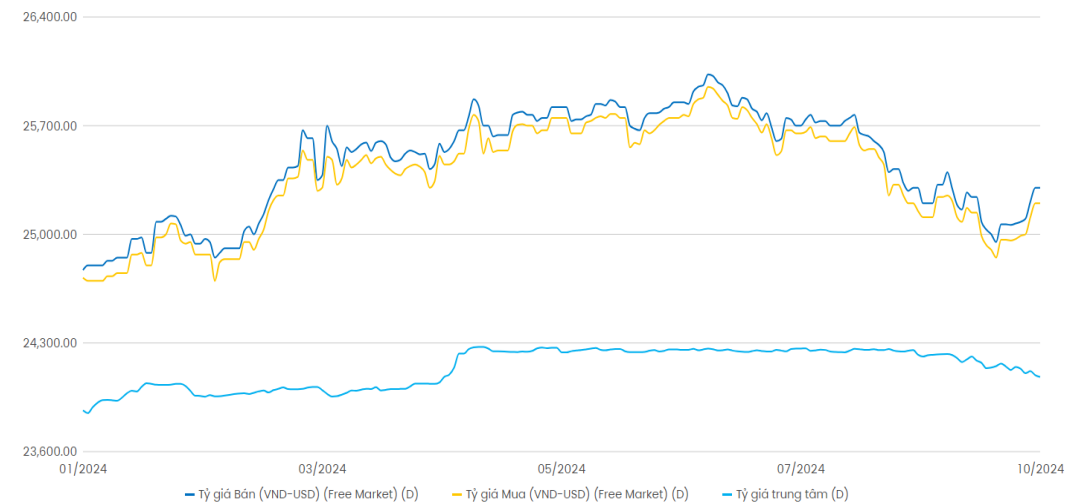
Giá vàng thế giới lập đỉnh



Nguồn: FiinPro, ABS Research

- Giá vàng thế giới tiếp tục lập đỉnh lịch sử trong tuần cuối cùng của tháng 9, và ghi nhận mức tăng 31% kể từ cuối năm 2023. Nguyên nhân là do (i) Khi Fed hạ lãi suất, nhu cầu vàng thường tăng lên vì lãi suất thấp làm giảm chi phí cơ hội của việc nắm giữ tài sản không sinh lãi như vàng, (ii) Các lo ngại về căng thẳng địa chính trị và các nền kinh tế lớn trên thế giới có khả năng suy thoái trong khi đó vàng là tài sản trú ẩn an toàn.
- Giá vàng miếng SJC cũng đã điều chỉnh tăng 1,2% trong tuần cuối của tháng 9 theo xu hướng vàng thế giới, tuy nhiên chỉ tăng 9,2% so với cuối năm 2023 do động thái thu hẹp chênh lệch từ NHNN. Trong khi đó lần đầu tiên trong lịch sử, giá vàng nhẫn đã cao hơn giá vàng SJC. Hiện tại chênh lệch giữa giá vàng SJC/giá vàng nhẫn và giá vàng thế giới chỉ vào khoảng 2 triệu đồng/lượng. Như vậy, giá vàng ở cả 2 thị trường đã không còn sự chênh lệch và mức chênh với thế giới cũng đã thu hẹp lại.

USD/VND đi ngang trong tháng 9



Nguồn: Fiinpro, ABS Research

- Tại ngày 30/09/2024, NHNN công bố tỷ giá trung tâm ở mức 24.093 VND/USD, giảm 131 đồng so với thời điểm cuối tháng 8 và tăng 227 đồng so với đầu năm 2024.
- Tính đến hết tháng 9/2024, tỷ giá USD trên thị trường tự do tăng lên mức 25.200 VND/USD, +0.36% so với tháng 7, qua đó tiền đồng mất giá khoảng 1,94% so với đầu năm. Chúng tôi dự báo tỷ giá USD/VND sẽ tiếp tục giảm trong thời điểm cuối năm vì nguyên nhân sau đây (i) FED sẽ tiếp tục cắt giảm lãi suất thêm 1 lần nữa vào tháng 11, (ii) Các dòng ngoại tệ liên tục chảy vào Việt Nam từ thặng dư thương mại, FDI và kiều hối.
- Vào ngày 16/09, NHNN đã giảm lãi suất cho vay cầm cố giấy tờ có giá (OMO) xuống còn 4%/năm. Bên cạnh đó, NHNN cũng đã chủ động ngừng phát hành trên kênh tín phiếu nhằm hỗ trợ thanh khoản hệ thống ngân hàng, qua đó, thiết lập một mặt bằng lãi suất liên ngân hàng thấp hơn trong thời gian tới trong bối cảnh FED đã cắt giảm lãi suất cơ bản 0,5 điểm phần trăm trong cuộc họp tháng 9.

Một số thông tin nổi bật tháng 9

Ngày	Nội dung	Tác động kỳ vọng
30/08/2024	Thông báo số 402/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ: Kết luận của Thường trực Chính phủ tại Hội nghị của Thường trực Chính phủ làm việc với doanh nghiệp nhà nước trên phạm vi toàn quốc về các giải pháp thúc đẩy sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển.	Chính phủ yêu cầu tập trung gỡ vướng các chương trình, dự án trọng điểm ngành năng lượng
30/08/2024	Quyết định ban hành Quy tắc xây dựng và quản lý chỉ số các cổ phiếu Kim cương Việt Nam "Vietnam Diamond Index" phiên bản 3.0	Cập nhật lại chỉ tiêu liên quan đến điều kiện thanh khoản, điều kiện lựa chọn cổ phiếu vào rổ. Từ đó, kì vọng sẽ thu hút sự chú ý của các nhà đầu tư nước ngoài.
17/09/2024	Chính phủ chỉ đạo NHNN đưa ra chính sách ưu đãi tín dụng hoặc gói lãi suất 0 đồng hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng của bão số 3	Các gói hỗ trợ hay chính sách sẽ là điểm tựa vững chắc để doanh nghiệp sớm khôi phục sản xuất kinh doanh sau những thiệt hại nặng nề từ cơn bão Yagi.
18/09/2024	Thông tư 68/2024/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	Giảm chi phí giao dịch và tạo ra sự linh hoạt cho nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia vào các giao dịch chứng khoán, từ đó thúc đẩy dòng vốn ngoại, tăng thanh khoản thị trường.
24/09/2024	Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tiếp lãnh đạo một số tập đoàn lớn của Hoa Kỳ, cam kết thúc đẩy nền kinh tế công nghệ	Thúc đẩy hợp tác kinh tế, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ cao. sản xuất và trí tuệ nhân tạo, nhằm thắt chặt quan hệ kinh tế giữa hai nước.
09/10/2024	Chứng khoán Việt Nam vẫn chưa được nâng hạng	FTSE Russell tiếp tục giữ nguyên Việt Nam ở vị trí theo dõi để nâng hạng lên thị trường mới nổi hạng 2. Lý do chưa được nâng hạng là Việt Nam vẫn chưa đáp ứng tiêu chí "Chu kỳ thanh toán (DvP)", hiện đang được xếp loại là "Hạn chế" do thực tế thị trường yêu cầu kiểm tra trước giao dịch để đảm bảo có sẵn vốn trước khi thực hiện giao dịch. Ngoài ra, cần có sự cải thiện trong quy trình đăng ký tài khoản mới, vì thực tế thị trường hiện tại đang kéo dài quá trình đăng ký.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

VỮNG VÀNG QUA THỬ THÁCH



Trải nghiệm ngay ứng
dụng ABS invest



Tham gia room tư vấn miễn
phí trên Zalo của ABS



• Tổng quan TTCK tháng 09/2024

- Trong tháng 9/2024, thị trường chứng khoán Việt Nam được hưởng lợi từ nhiều thông tin tích cực trong và ngoài nước. FED quyết định cắt giảm lãi suất 50 điểm cơ bản ngày 18/9, thông tin về các biện pháp kích thích kinh của Trung Quốc và kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng cải thiện dòng tiền và tâm lý nhà đầu tư. Theo đà phục hồi, VN-Index giữ thành công mức hỗ trợ 1250 -1260 và 2 lần kiểm định ngưỡng 1300, tuy nhiên đây cũng là vùng cản tâm lý cứng trong 6 tháng qua. Kết thúc tháng, VN-Index dừng tại mốc 1288 điểm, tăng 8,4% so với tháng trước. Trung bình GTGD/phiên trong tháng giảm nhẹ đạt 16.001 tỷ đồng/phiên.
- Thị trường chứng khoán thế giới liên tiếp tạo lập kỷ lục mới. Trong vòng 12 tháng, chỉ số S&P500 và Nasdaq đã tăng lần lượt 34,4% và 37,6%. Tín hiệu tích cực quay trở lại tại thị trường Trung Quốc được thể hiện khi chỉ số Shanghai đạt mức tăng 19,6% trong vòng 1 tháng, mức cao nhất trong vòng 20 năm sau khi nước này công bố các chính sách kích thích nền kinh tế.

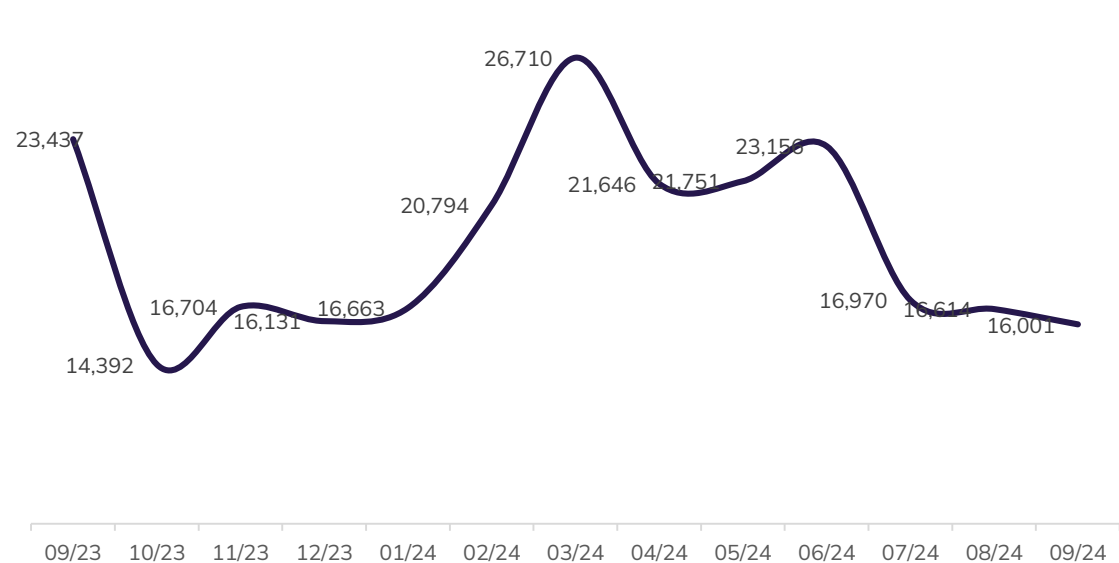
Biến động chỉ số một số TTCK trên thế giới

	% thay đổi 1M	% thay đổi 3M	% thay đổi 6M	% thay đổi 12M
VNINDEX	8,4%	0,3%	2,0%	4,3%
Dow Jones	1,8%	8,2%	11,9%	26,3%
Nasdaq	2,7%	2,6%	16,2%	37,6%
S&P 500	2,0%	5,5%	14,4%	34,4%
Shanghai	19,6%	12,6%	7,5%	7,3%
DAX	2,2%	6,0%	7,8%	25,6%
Nikkei 225	-1,2%	-4,4%	-1,3%	19,0%
SET	6,6%	11,4%	5,9%	-1,5%
FTSE 100	-1,7%	0,9%	1,1%	8,3%

Diễn biến điểm số VNIndex trong 01 năm trở lại



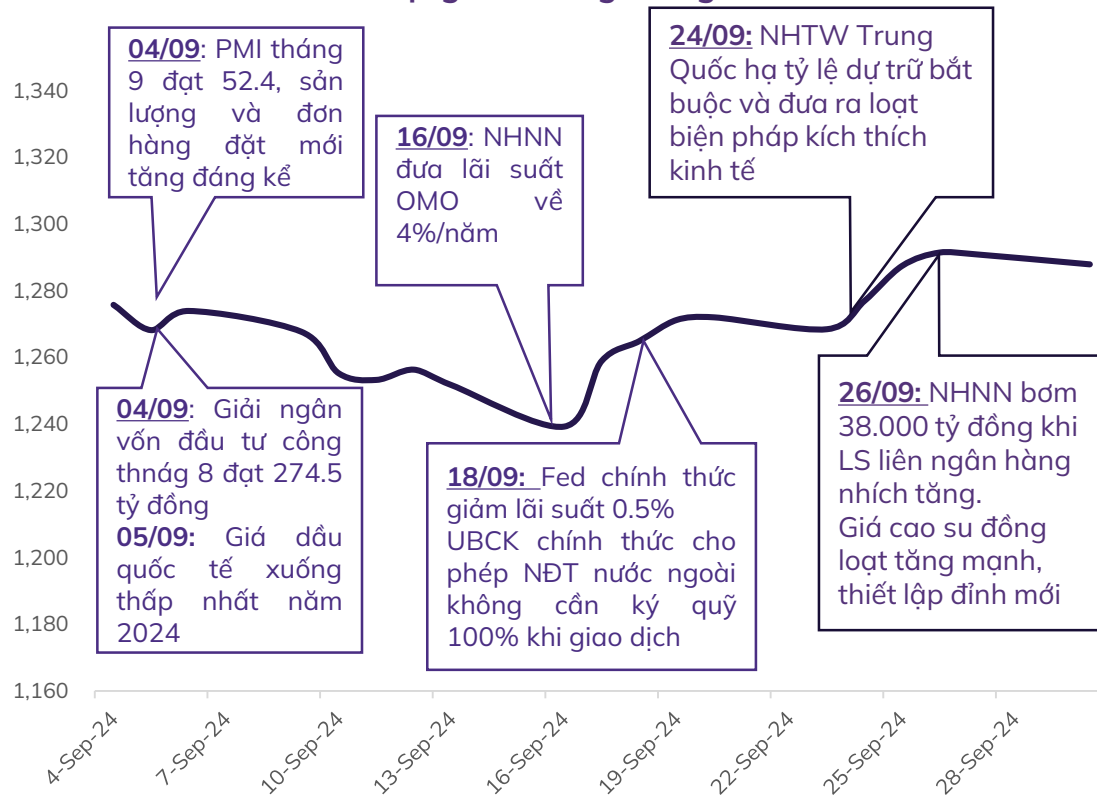
Trung bình GTGD/phiên của VNIndex trong 01 năm trở lại



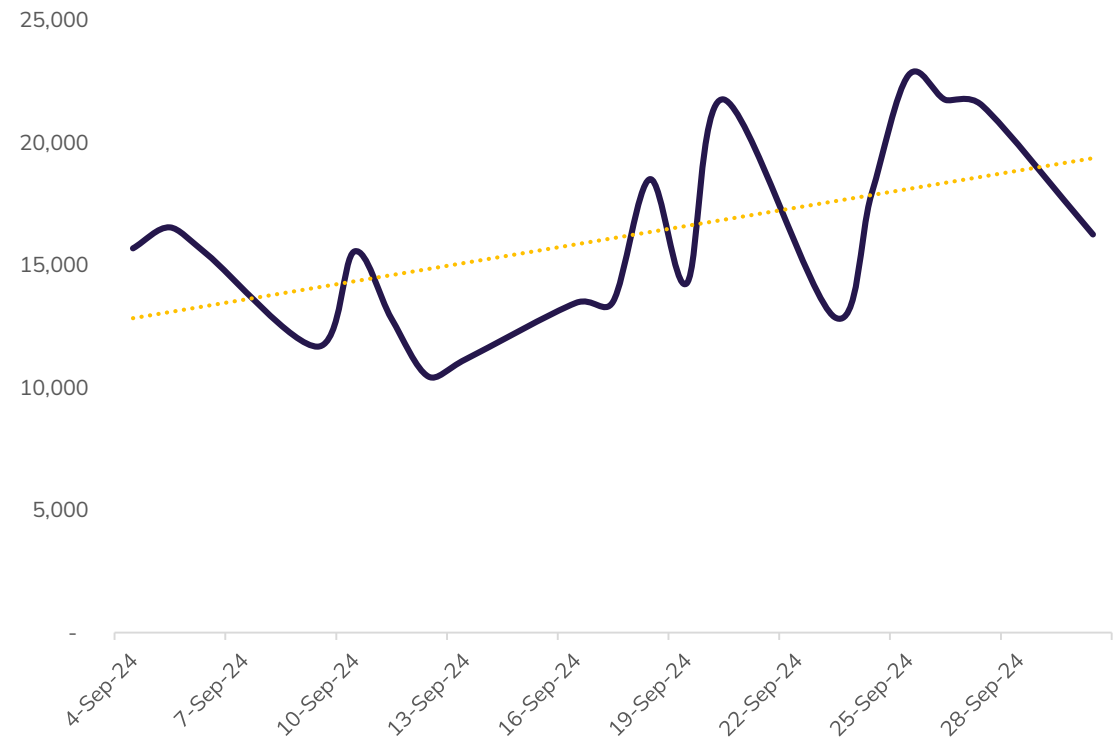
► Điểm lại một số phiên của VNIndex trong tháng 09

Tâm điểm tháng 09: Fed giảm lãi suất liên ngân hàng 0.5 điểm phần trăm và các biện pháp kích thích kinh tế của Trung Quốc. Sau nỗ lực vượt mốc 128x thất bại, VNINDEX giao dịch nửa đầu tháng 9 trong sự ảm đạm và tâm lý dè dặt của nhà đầu tư trước cuộc họp FOMC ngày 18/9, điều chỉnh giảm về mốc 1239 vào ngày 16/9. Tuy nhiên, dòng vốn vào thị trường đã có sự thay đổi khác biệt sau kết quả của cuộc họp từ Fed. Ngược lại với suy nghĩ của đa số nhà đầu tư, Fed mạnh tay cắt giảm lãi suất 0.5 điểm phần trăm để điều chỉnh chính sách tiền tệ dần về trung lập trong khi không có rủi ro suy thoái và lạm phát đã được kiểm soát, qua đó kích thích dòng vốn chảy mạnh vào thị trường đạt 21.8 nghìn tỷ đồng vào ngày 20/9. Tuy nhiên thanh khoản sụt giảm mạnh sau đó cho thấy tâm lý thận trọng vẫn còn hiện hữu. Các chính sách kích thích nền kinh tế của Trung Quốc tạo cú hích tạo thanh khoản mới cho thị trường vào ngày 26/9, giúp khối lượng giao dịch thị trường duy trì mức trung bình hơn 20 nghìn tỷ đồng trong 3 phiên liên tiếp và tăng điểm lên kiểm định ngưỡng 1300 điểm. Chứng khoán thế giới, trong đó có cả thị trường Trung Quốc và Nhật Bản, diễn biến tích cực, hỗ trợ tâm lý cho thị trường chứng khoán Việt Nam.

Biến động VNI trong tháng 09/24

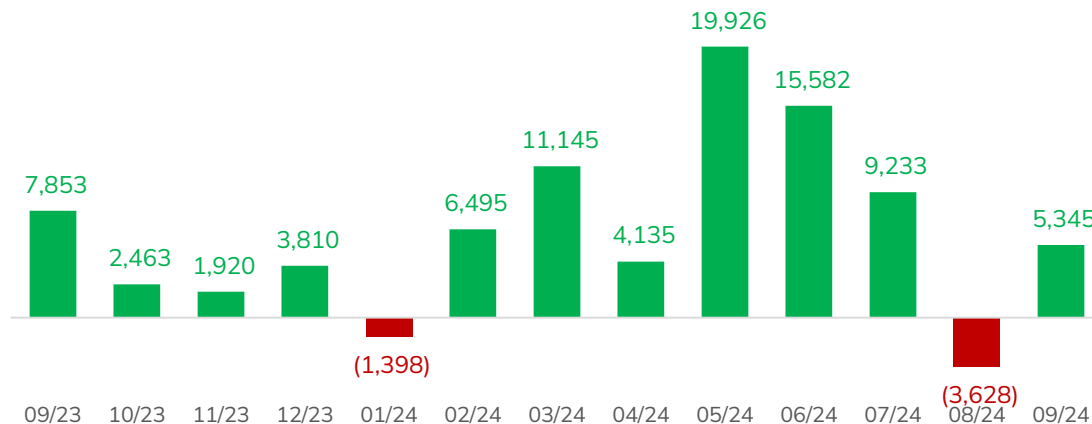


Biến động thanh khoản VNI trong tháng 09

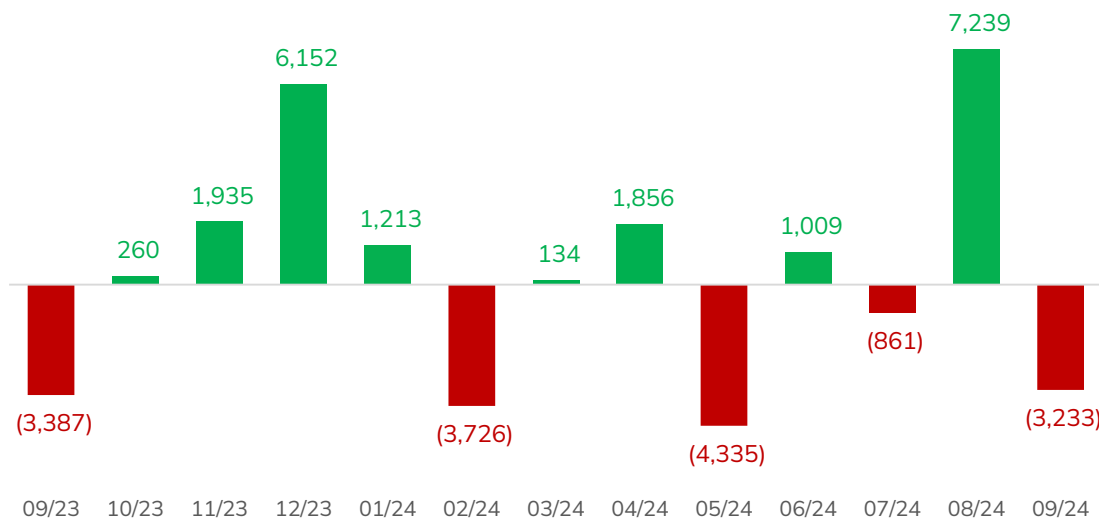


Hành động của NĐT trong tháng 09

Lực cầu từ NĐT cá nhân quay trở lại

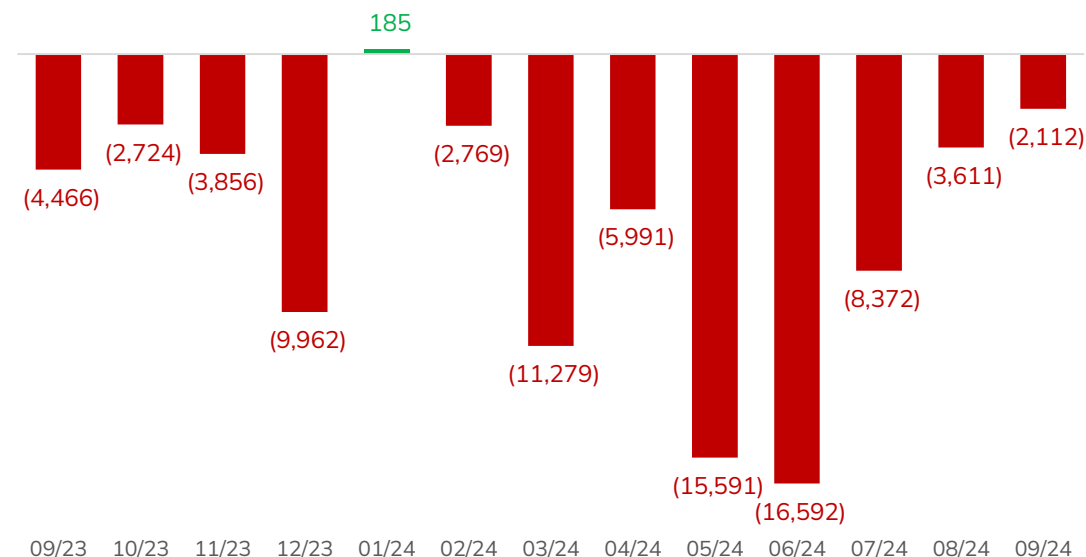


Nhóm tổ chức trong nước bán ròng

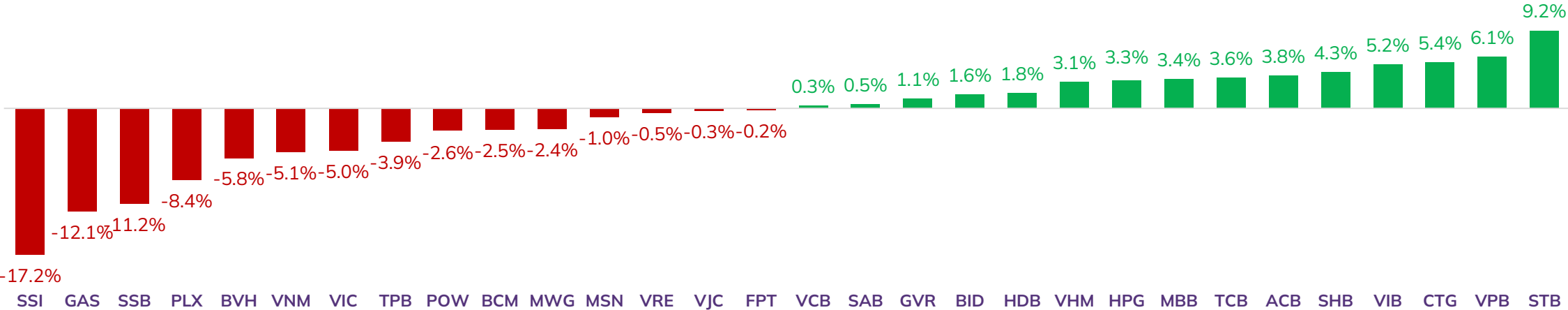


- **Lực cầu từ NĐT cá nhân quay trở lại.** Lực mua ròng từ NĐT đạt 5.345 tỷ trong tháng 9 sau tháng bán ròng cho thấy niềm tin ở thị trường đã dần hồi phục.
- **Lực mua tích cực đến từ khối ngoại, bán ròng giảm đáng kể,** chỉ còn 2.112 tỷ đồng, giảm -41% so với tháng trước và giảm gần 1/8 so với đợt đỉnh điểm 16.592 tỷ đồng vào tháng 6. Các cổ phiếu tiêu biểu được nhóm nước ngoài mua ròng có FPT (991 tỷ), TCB (872 tỷ). SSI (807 tỷ), TPB (458 tỷ). Trong khi đó, đáng lưu ý cổ phiếu HPG tiếp tục bị bán ròng với giá trị bán ròng là 1.250 tỷ.
- **Nhóm tổ chức trong nước quay lại bán ròng,** với khối lượng bán là 3.233 tỷ đồng trong tháng 9. Các mã bị bán ròng bao gồm MBB (402 tỷ), HPG (264 tỷ), KDH (202 tỷ).

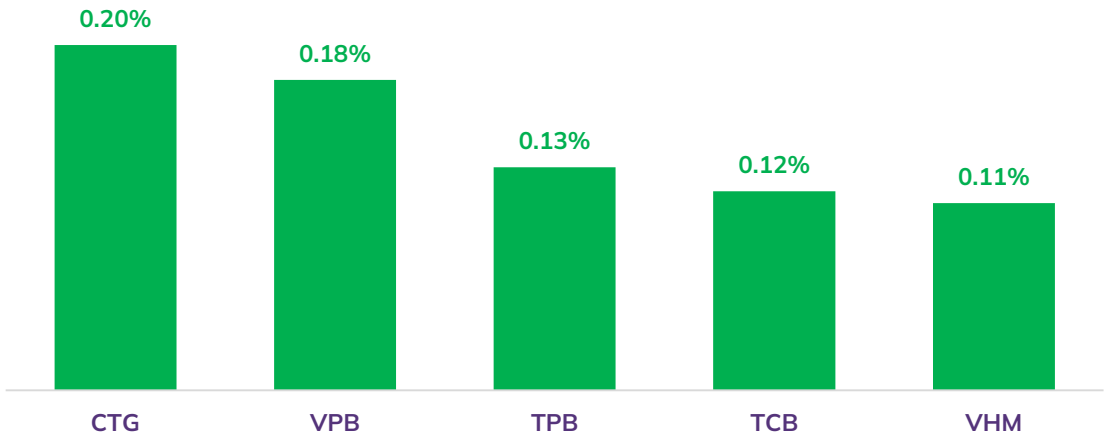
Tín hiệu khối ngoại bán ròng sắp kết thúc?



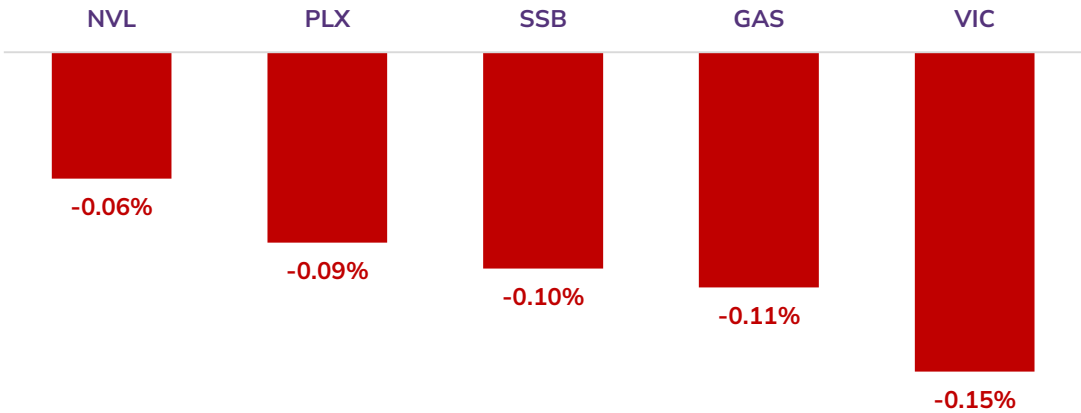
Biến động giá cổ phiếu trong nhóm VN30



Top 5 cổ phiếu ảnh hưởng tích cực đến VNI



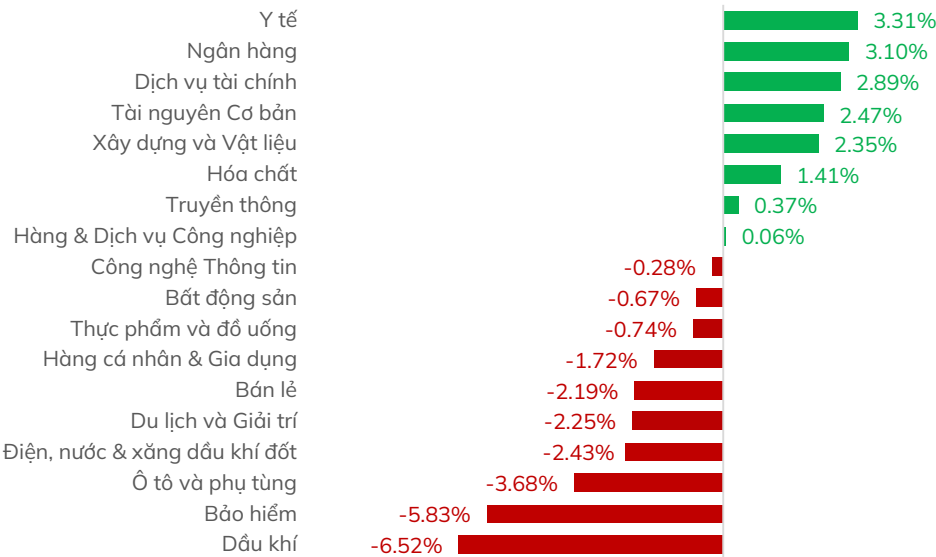
Top 5 cổ phiếu ảnh hưởng tiêu cực đến VNI



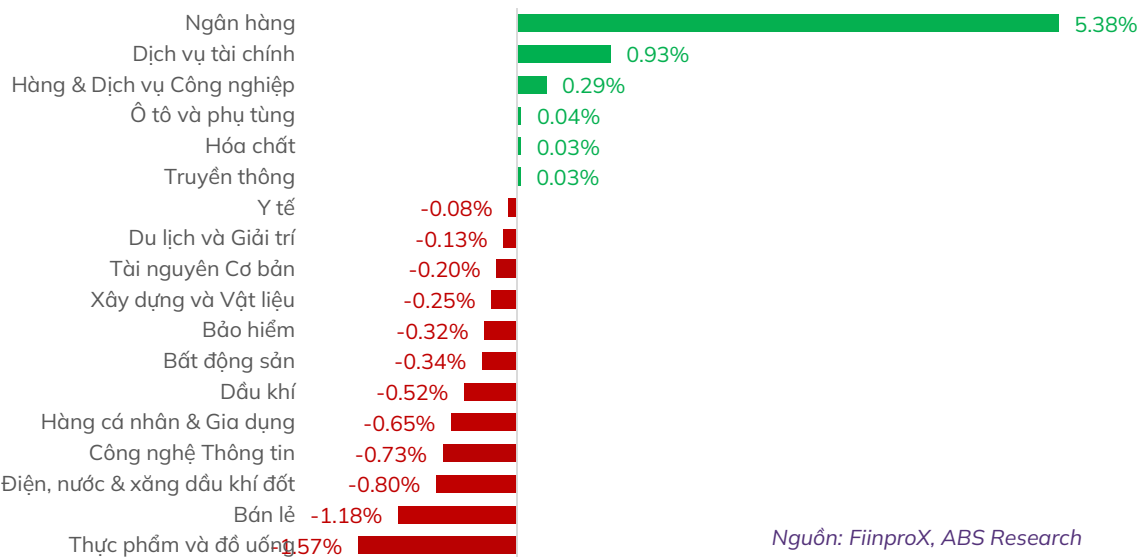
Chuyển động nhóm ngành và câu chuyện đầu tư

- Nhóm cổ phiếu Ngân hàng tiếp tục thể hiện sức hút khi là sự lựa chọn hàng đầu của các nhà đầu tư, với tỷ trọng dòng tiền gia tăng 5.38% so với tháng trước. Các mã được giao dịch với khối lượng lớn bao gồm VPB, MBB, LPB, CTG. Ngược lại, xu hướng dòng tiền ghi nhận sụt giảm tại nhóm Thực phẩm và Bán lẻ, với tỷ lệ giảm lần lượt là 1.67% và 1.18%.
- Các nhóm cổ phiếu có sự tăng trưởng về giá tiêu biểu có:
 - Nhóm Ngân hàng và Dịch vụ tài chính (tăng lần lượt +3,1% và 2,98% so với tháng trước):** Các mã có giá tăng tiêu biểu là TPB (+15,31% svck), MSB (+12% svck), EIB (+10.22% svck). Trong nhóm ngân hàng, chỉ có SSB ghi nhận giá giảm khi ngân hàng trả cổ tức bằng cổ phiếu trong kỳ.
 - Nhóm Y tế (tăng 3,31% so với tháng trước).** Tiêu biểu có cổ phiếu IMP (+13.9%) với kết quả hoạt động kinh doanh ấn tượng và tiềm năng các dự án dài hạn phát triển năng lực sản xuất hàng đầu trong ngành dược phẩm.
 - Nhóm Tài nguyên cơ bản (tăng +5,36% so với tháng trước):** Nhóm Tài nguyên cơ bản ghi nhận sự phục hồi về giá của cổ phiếu nhóm thép với HPG (+3.33% svck) và HSG (+2.4% svck) mặc dù vẫn bị bán ròng lần lượt là 131 tỷ đồng và 77 tỷ đồng. Trong ngắn hạn, các cổ phiếu nhóm này được tiếp tục kỳ vọng tăng trưởng về giá do (1) thị trường nhà ở hồi phục và tăng giải ngân đầu tư công (2) giá thép HRC phục hồi khi bớt áp lực giảm giá từ Trung Quốc (nhờ thắt chặt nguồn cung và nhu cầu sử dụng thép xây dựng tái thiết cơ sở hạ tầng sau cơn bão Benica).
 - Tuy nhiên, nhóm Dầu khí ghi nhận giá giảm mạnh (-6.52% so với tháng trước),** với các cổ phiếu như PLX, GAS. Giá dầu thế giới giảm mạnh trong tháng 9/2024 do những lo ngại về nhu cầu suy giảm và áp lực nguồn cung từ Brazil và Libya. Trong ngắn hạn, giá dầu có thể được hỗ trợ tăng giá trở lại mốc 8x do các yếu tố (1) gia hạn cắt giảm sản lượng tự nguyện từ các nước OPEC+ (2) phục hồi kinh tế từ Trung Quốc và (3) xung đột tại Trung Đông lan rộng sang Iran – nước thuộc OPEC, làm giảm lượng cung dầu.

Chuyển động giá các nhóm ngành



Tỷ trọng dòng tiền các nhóm ngành





NHẬN ĐỊNH VÀ KHUYẾN NGHỊ



Trải nghiệm ngay
ứng dụng ABS invest



Mở tài khoản để tham gia
room tư vấn của Trung
tâm Tư vấn Đầu tư ABS



➤ NHÌN LẠI DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 9/2024

- Chúng tôi nhận định trong tháng 9, các yếu tố tích cực là Fed hạ lãi suất và tín dụng được đẩy mạnh, mặt khác, siêu bão Yagi gây ra các thiệt hại lớn cho nền kinh tế. Do đó, dự báo thị trường đi ngang với đáy cao dần, biên độ điều chỉnh thu hẹp dần. Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư quan sát mua vị thế cổ phiếu ngắn hạn và trung hạn, với cổ phiếu và mốc hỗ trợ của thị trường.
- Thực tế, VNIndex giảm trong nửa đầu tháng, nhưng giữ thành công mức hỗ trợ 1250 - 1260, sau đó chuyển sang đà tăng với 2 lần kiểm định ngưỡng 1300, tuy nhiên đây cũng là vùng cản tâm lý cứng trong 6 tháng qua. Kết thúc tháng, VNINDEX dừng tại mốc 1288 điểm, tăng 8,4% so với tháng trước.
- Kết quả danh mục các cổ phiếu chúng tôi khuyến nghị được tổng hợp tại trang sau.



➤ NHÌN LẠI DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 9/2024

DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ TRONG THÁNG 09/2024

- Có 12/15 cổ phiếu chạm vùng giá mua khuyến nghị.
- Biến động giá cả danh mục là **+2,6%** theo giá cuối tháng 9 và **+5,3%** theo giá cao nhất đạt được trong tháng 9/2024 so với giá tại ngày khuyến nghị.

STT	Mã cổ phiếu	Giá tại ngày ra báo cáo (9/9/2024)	Vùng giá mua đề xuất	Giá thấp nhất chạm vùng KN	Giá mục tiêu – TP1 (TA)	Giá mục tiêu - TP2 (TA)	Giá cắt lỗ (SL)	Giá tại ngày 9/30/2024	Tăng/ Giảm (%) so với giá ngày báo cáo	Giá chạm cao nhất trong tháng	Tăng/ Giảm (%) so với giá ngày báo cáo	Sự kiện cổ đông trong tháng 9/ Khuyến nghị cho tháng 10
1	TCB	22.65	21-22.4	22.25	26-27	34-35	20	24.20	6.8%	24.4	7.7%	Nắm giữ đến TP2, nâng giá SL lên 22
2	MBB	23.95	23-24	23.95	26-28	35-36	22	25.70	7.3%	26	9.2%	Chốt lời 30% khi giá đạt TP1, nắm giữ phần còn lại đến TP2, nâng giá SL lên 23
3	VCI	44.85	43-45	43.8	53-55	67-68	42	36.70	6.4%	48.3	7.7%	Cổ tức bằng CP, tỷ lệ 100:30 Nắm giữ, nâng SL lên 35
4	HCM	29.15	27-29.5	29	34.0	38	26	30.95	6.2%	31.8	9.1%	Nắm giữ, nâng SL lên 28
5	VCG	18.8	17-19	18.3	24-25	29-31	16	18.75	-0.3%	19.5	3.7%	Bán chốt lời
6	BCM	71.2	69-72	71.1	88.0		65	70.20	-1.4%	73.5	3.2%	Bán chốt lời
7	DPG	53.6	50-51	n/a	60-62		48	56.70	5.8%	58.2	8.6%	Bán chốt lời
8	HDG	28.6	26-27	n/a	31.0	37	25	27.95	-2.3%	29.5	3.1%	Bán chốt lời
9	NLG	41.1	40-41	40.9	46-48	56	39	41.55	1.1%	42.7	3.8%	Bán chốt lời
10	KDH	37.6	35-36	n/a	43-45	52	33	38.90	3.5%	39.7	5.6%	Bán chốt lời
11	GEX	21	20.8-21.8	20.75	25-26	33	19	21.75	3.6%	21.8	3.6%	Bán chốt lời
12	HSG	20.4	19.1-20.4	20	23.0	26	18	21.30	4.4%	21.5	5.4%	Bán chốt lời
13	DCM	37.15	36.2-37.4	37.3	40-42	46	35.7	38.50	3.6%	39.8	7.0%	Bán chốt lời. Canh mua lại sau
14	DGW	62.5	61-62.5	61.7	68-69	75	59	46.85	-1.8%	48.5	1.7%	Cổ tức bằng tiền, 500đ/CP. Cổ phiếu, tỷ lệ 100:30. Bán chốt lời
15	MSH	48.75	48-49	48.15	52-54	58	45.9	47.00	-3.6%	49.1	0.6%	Bán chốt lời
Trung bình									2.6%		5.3%	
VN-Index								1,287.94	1.6%	1,300.31	2.6%	

➤ NHÌN LẠI DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 9/2024

DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ TRONG THÁNG 08/2024 VÀ TIẾP TỤC NẮM GIỮ TRONG THÁNG 09/2024

- Biến động giá cả danh mục là +3,2% theo giá cuối tháng 9 và +7,5% theo giá cao nhất đạt được trong tháng 9/2024 so với giá tại ngày khuyến nghị.

STT	Mã cổ phiếu	Giá tại ngày ra báo cáo (9/9/2024)	Vùng giá mua đề xuất	Giá thấp nhất chạm vùng KN	Giá mục tiêu – TP1 (TA)	Giá mục tiêu – TP2 (TA)	Giá cắt lỗ (SL)	Giá tại ngày 9/30/2024	Tăng/ Giảm (%) so với giá ngày báo cáo	Giá chạm cao nhất trong tháng	Tăng/ Giảm (%) so với giá ngày báo cáo	Sự kiện cổ đông trong tháng 9/ Khuyến nghị cho tháng 10
1	VNM	72.7	67-69	0	78-81	100	63	70.10	-0.2%	72.96	3.7%	Cổ tức bằng tiền 2450đ/CP. Nắm giữ và mua thêm khi giá điều chỉnh Cổ tức bằng tiền 6000đ/CP, cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 50:1. Bán chốt lời Nắm giữ nếu chưa chốt lời ở TP1 Nắm giữ Bán chốt lời Bán chốt lời
2	GAS	77.3	74-76	0	88-91	100	72	73.20	4.4%	77.72	10.3%	
3	PNJ	95.6	89-93	0	100-103	113	86.5	98.80	3.3%	102.50	7.2%	
4	DGC	106	83-87	0	100	115	81	115.50	9.0%	117.90	11.2%	
5	VEA	41.1	35-37	0	44-46	49	34	44.80	9.0%	45.30	10.2%	
6	TNH	23.1	20-22	0	27-28	34	19	21.60	-6.5%	23.69	2.6%	
Trung bình									3.2%		7.5%	

Về yếu tố Phân tích kỹ thuật:

Thời gian qua, thị trường trong xu hướng hồi phục tổng thể. VN-Index tăng giảm trong vùng giữa Fibonacci 61,8% và 50%, tương ứng 1.300đ – 1.180đ, với lực bán chiếm thế chủ động tạo vùng 3 đỉnh trên biểu đồ khung tuần. Lực bán mạnh khiến giá giảm, tạo những cây nến tuần biên độ đặc, sau đó rút chân di chuyển về đỉnh và chốt lời, hình thành nhịp kéo xả với khối lượng giao dịch giảm dần. Cầu mua giảm và cung bán chiếm ưu thế vượt trội khi giá tiến về vùng đỉnh tại ngưỡng 1.300 điểm.

Cấu trúc thị trường vẫn thể hiện cấu trúc tăng giá trên khung thời gian lớn. VN-Index tạo cây nến tháng 9 và nền quý III đều rút chân xanh khá tốt, thể hiện cơ hội thị trường còn khả năng tăng trưởng tốt trong dịp cuối năm 2024.

Tuy nhiên trên khung tuần, thời điểm hiện tại chưa xác nhận xu hướng tăng giá tiếp tục khi VN-Index chưa vượt vùng kháng cự 1305 - 1316 điểm, chỉ báo MACD có dấu hiệu phân kỳ âm, động lượng thể hiện qua histogram đỏ đậm. Đường giá biến động lỏng với khối lượng giảm dần trong khi khối lượng bán tại vùng đỉnh chiếm ưu thế... Đây là các yếu tố không tích cực gây nên điều chỉnh giảm trên khung ngày.

Các cổ phiếu lớn ngành ngân hàng đã cho tín hiệu điều chỉnh sau pha tăng vừa qua. Các cổ phiếu hàng đầu của các nhóm ngành cũng đã tăng về đỉnh và có biểu hiện suy yếu, cần cải thiện. Hơn nữa, trong suốt quá trình hồi phục từ 2022 đến nay, sự tăng trưởng của thị trường diễn ra không đồng đều và đồng pha giữa các nhóm cổ phiếu. Trên thị trường luôn song hành các cổ phiếu đi tìm đỉnh với các cổ phiếu đi tìm đáy, đây là 1 bức tranh trái chiều rất khó lường.

Dòng tiền được mua ròng trong tháng 9 được dẫn dắt bởi cá nhân, trong khi khối NĐTNN đã giảm mạnh bán ròng. Dòng tiền tập trung ở nhóm ngành ngân hàng, dịch vụ tài chính, bất động sản.

Các vùng hỗ trợ và kháng cự:

- | | |
|---------------------------|-------------------------|
| • Kháng cự 1: 1285 - 1305 | • Hỗ trợ 1: 1260 – 1245 |
| • Kháng cự 2: 1305 - 1316 | • Hỗ trợ 2: 1217 – 1205 |
| • Kháng cự 3: 1340 - 1350 | • Hỗ trợ 3: 1186 – 1164 |

Các yếu tố vĩ mô:

Thị trường bước vào tháng 10 với nhiều tin tức tích cực.

- Trên thế giới, lạm phát đang diễn biến theo đà giảm tại các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU, UK,... củng cố xu hướng nới lỏng tiền tệ của các nước này. Nổi bật nhất là việc Fed đã cắt giảm mạnh tay lãi suất điều hành 50 điểm cơ bản trong tháng 9 và dự báo tiếp tục cắt giảm ít nhất thêm 25 điểm cơ bản trong kỳ họp tháng 11 tới. Trong khi đó, Trung Quốc đưa ra gói kích thích kinh tế lớn nhất kể từ đại dịch để giúp nước này đạt mục tiêu tăng trưởng 5% trong năm 2024. Chiến sự vẫn leo thang ở Trung Đông và Nga – Ukraina, tuy nhiên điểm tích cực là giá dầu cũng như giá vận tải biển không biến động quá nhiều.

Các yếu tố vĩ mô (tiếp):

- Trong nước, mặc dù cơn bão Yagi gây tác hại to lớn, GDP của Việt Nam vẫn tăng trưởng ấn tượng 7,4% so với cùng kỳ. Kết quả tăng trưởng ấn tượng này đạt được chủ yếu dựa vào các yếu tố hỗ trợ mạnh mẽ như đầu tư xã hội tiếp tục tăng trưởng ổn định trong đó bao gồm cả đầu tư công được đẩy mạnh, đầu tư nước ngoài FDI tích cực, xuất nhập khẩu hồi phục mạnh, các biện pháp hỗ trợ từ Chính phủ như chính sách tiền tệ linh hoạt, các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp và phục hồi tiêu dùng nội địa...
- Tín dụng đã tăng trưởng mạnh trong nửa cuối tháng 9, kết thúc quý 3 tăng 9% so với đầu năm, hứa hẹn khả năng cao đạt mục tiêu tăng trưởng 15% cho cả năm 2024. Tỷ giá giảm, thị trường vàng được quản lý tốt.
- Về thị trường vốn, Thông tư 68 đã được Bộ Tài chính ban hành ngày 18/9 và có hiệu lực từ 2/11/2024, cho phép nhà đầu tư tổ chức nước ngoài có thể mua chứng khoán mà không cần có đủ tiền ngay. Như vậy, Việt Nam đã hoàn thành 2 trong 3 điều kiện còn lại để có thể được nâng hạng lên Thị trường mới nổi thứ cấp, chỉ còn một điều kiện chưa đạt là Trung tâm thanh toán bù trừ tập trung. Tiến trình này đang được thực hiện nhanh chóng giúp giảm ã bán ròng của khối ngoại trong 3 tháng qua và thu hút dòng vốn ngoại vào Việt Nam.
- Các biện pháp đẩy mạnh giải ngân đầu tư công liên tục được triển khai, nhằm mục tiêu hoàn thành kế hoạch cả năm 2024.
- Tâm điểm của thị trường chứng khoán trong tháng 10 sẽ là:
 - Các bộ luật dự kiến được thông qua tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV khai mạc ngày 21/10/2024, trong đó sẽ xem xét, thông qua 11 dự án luật; cho ý kiến 12 dự án luật, trong đó có các luật quan trọng như Luật Thuế GTGT, Luật Điện lực, Luật Thuế TNDN....Dự án đường sắt cao tốc với dự toán 67 tỷ USD cũng có thể được thông qua trong kỳ họp này, là lực đẩy cho đầu tư công trong 2025.
 - Triển vọng KQKD Q3 của các doanh nghiệp niêm yết. Chúng tôi ước tính LNST các doanh nghiệp nghiên cứu có thể tăng 20,6% svck trong nửa cuối năm, cao hơn mức tăng 5,8% svck đạt được trong nửa đầu năm 2024. Các ngành dự kiến có tăng trưởng LNST tích cực trong Q3/2024 svck bao gồm ngân hàng, chứng khoán, dầu khí, hóa chất - phân bón, bán lẻ, vận tải biển, CNTT và viễn thông, may mặc, thực phẩm...
- Về mặt định giá, P/E của VN-Index tăng nhẹ từ 14,01x cuối tháng 8 lên 14,05x cuối tháng 9, thấp hơn mức bình quân 14,07x của chỉ số này trong 1 năm qua. P/E kỳ vọng cho cả năm 2024 ở mức thấp hơn do KQKD cả thị trường được dự báo tiếp tục phục hồi trong nửa cuối năm.
- Các cổ phiếu vốn hóa lớn trong VN30 đang có định giá P/E là 13,0x, thấp hơn nhiều so với các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ trong VNMID (17,04x) và VNSML (15.49x).

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 10/2024

Dự báo diễn biến VN-Index trong tháng 10/2024:

Với những phân tích bên trên, chúng tôi nhận định thị trường tiếp tục diễn biến trong vùng 1305-1185 điểm và có kỳ vọng về tiềm năng tăng trưởng cuối năm. Chúng tôi đề xuất kịch bản giao dịch như sau và ưu tiên mua mới trong tháng 10:

Kịch bản 1: Thị trường điều chỉnh về vùng Hỗ trợ 1 tại 1260-1245 và cho tín hiệu rút chân, lực mua xuất hiện trên biểu đồ H1.

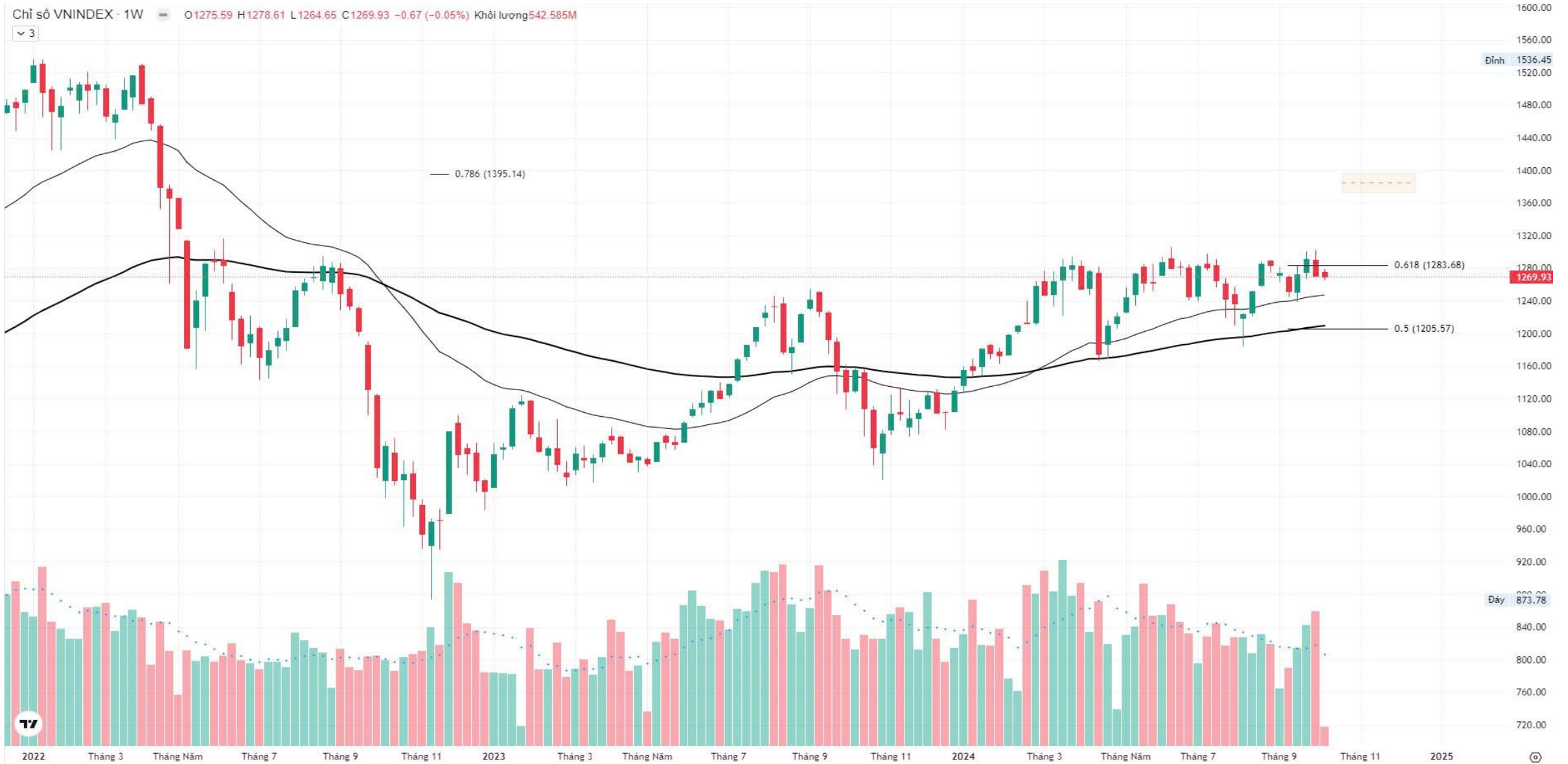
Kịch bản 2: Thị trường điều chỉnh sâu hơn phá qua ngưỡng Hỗ trợ 1 với lực bán mạnh, khi thị trường cho tín hiệu ở ngưỡng Hỗ trợ 2, nhà đầu tư nên mở mua thăm dò, và mua gia tăng khi thị trường cho tín hiệu lực cầu vào mạnh. Trong trường hợp thị trường giảm qua ngưỡng Hỗ trợ 2, nhà đầu tư mua lần 2 ở ngưỡng Hỗ trợ 3 là vùng giá 1186+/- điểm, xác định mốc 1164-1185 điểm là hỗ trợ cho giao dịch này.

Khuyến nghị

Thị trường chung đang cho tín hiệu điều chỉnh ngắn hạn, sau khi chưa vượt qua được 1300 ở tháng 9. Nhà đầu tư chú trọng giao dịch ngắn hạn trong biên độ giá thị trường đi ngang như chúng tôi đề cập trong 2 kịch bản kể trên, đưa ra quyết định mua khi thị trường di chuyển tới mốc hỗ trợ.

Thanh khoản của thị trường giai đoạn vừa qua ở mức trung bình, do đó nhà đầu tư ưu tiên chú ý đến các **cổ phiếu quy mô vừa trong các ngành ngân hàng, chứng khoán, dầu khí, kho vận...**

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 10/2024



08/10/2024	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
SHS	15.4	13.7-14.3	17	19	N/A	13.3	21.4%	Kết quả kinh doanh của SHS trong quý 2 vừa qua tăng trưởng tích cực so với nền thấp của Q2/23. Doanh thu và lợi nhuận trước thuế đạt lần lượt 599 tỷ (+ 94% YoY) và 435 tỷ (+ 151% YoY). Doanh thu môi giới đạt 70 tỷ (+18% YoY), lợi nhuận margin đạt 141 tỷ (+ 61% YoY). Tuy nhiên, mảng tự doanh mới là điểm sáng, đóng góp chính cho đà tăng trưởng của SHS. Trong đó, lãi bán TSTC FVTPL đạt 249 tỷ, tăng tới 7,5 lần so với cùng kỳ nhờ bán các cổ phiếu trong danh mục. Triển vọng KQKD trong 6T cuối năm 2024 tích cực do: - Trong ĐHCĐ năm 2024, để tăng cường nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, SHS dự kiến sẽ phát hành thêm tới gần 900 triệu cổ phiếu trong giai đoạn 2024-2025 để tăng vốn. Cụ thể, các phương án phát hành cổ phiếu như sau: (i) Phát hành 40,66 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 (ii) Phát hành 40,66 triệu cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn VCSH cổ phần (iii) Chào bán 813,2 triệu cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (iv) Phát hành 5 triệu cổ phiếu ESOP Ước tính, sau khi hoàn thành tất cả các phương án trên, vốn điều lệ của SHS sẽ đạt gần 17.000 tỷ, tức tăng thêm tới 8.995 tỷ - Doanh nghiệp đang nỗ lực thực hiện mục tiêu trở lại top 10 thị phần môi giới trong thời gian tới và đã có sự chuẩn bị về mặt chiến lược như tái cơ cấu mô hình hoạt động của mảng môi giới, đồng thời sẽ phát triển tệp khách hàng ở các địa phương có tiềm năng khác và thúc đẩy hoạt động tại các địa bàn truyền thống. Sắp tới sẽ hưởng lợi khi các giải pháp nâng hạng TTCK của chính phủ được triển khai và khi dòng vốn ngoại quay lại thị trường Việt Nam. - Dư nợ cho vay của SHS đã giảm xuống 3.622 tỷ từ 4.428, tuy nhiên lãi từ cho vay tăng lên 141 tỷ. Tỷ lệ dư nợ/VCSH của SHS cũng vẫn đang ở mức khá thấp chỉ ~32%. Như vậy, dư địa cho vay margin của SHS vẫn còn rất nhiều trong thời gian tới. - Danh mục tự doanh của công ty đang tập trung chủ yếu vào cổ phiếu. Với triển vọng TTCK sẽ có đà phục hồi trong Q4/2024 thì mảng tự doanh tiếp tục là điểm sáng cho SHS.

08/10/2024	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
VIX	12	10.8-11.2	15-16	N/A	N/A	10	40.9%	Trong quý III/2024, VIX ghi nhận doanh thu hoạt động 553,7 tỷ đồng (+71,4% YoY). Lợi nhuận trước thuế quý III đạt 324,7 tỷ đồng (+30,7% YoY). Lợi nhuận sau thuế đạt 265,4 tỷ đồng, +33% svck. Dù vậy tổng lãi 9 tháng đầu năm giảm 29% do ảnh hưởng từ những quý trước. Đây là một dấu hiệu tích cực, cho thấy VIX đang phục hồi và có khả năng duy trì hiệu quả hoạt động ngay trong giai đoạn thị trường nhiều biến động. Năm 2024, cổ đông công ty đã thông qua kế hoạch lãi sau thuế 1.056 tỷ đồng và công ty chỉ hoàn thành 52% kế hoạch sau 9 tháng. Triển vọng KQKD trong 3T cuối năm 2024 tích cực do: - VIX đã thành công trong việc tăng vốn từ 6.694 tỷ đồng lên 14.585 tỷ đồng qua bốn đợt phát hành cổ phiếu, giúp cải thiện đáng kể quy mô và cơ cấu tài sản. Tại cuối tháng 9/2024, tổng tài sản của VIX đạt 18.218 tỷ đồng, gấp đôi so với đầu năm. Điều này mang lại cho công ty nguồn lực mạnh mẽ để đẩy mạnh hoạt động tự doanh và cho vay ký quỹ. - VIX đang đẩy mạnh hoạt động đầu tư tự doanh. Khoản mục tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) ở mức 9.285 tỷ đồng, tăng 60% so với đầu năm và 61% so với quý liền trước. Trong đó, công ty nắm giữ 3.457 tỷ đồng (giá trị ghi sổ) cổ phiếu niêm yết, tăng nhẹ 2% so với đầu năm. Danh mục ủy thác đầu tư lên đến 1.900 tỷ đồng, tăng 189%. Phần trái phiếu chưa niêm yết cùng tăng từ chỉ 722 tỷ đồng lên 2.741 tỷ đồng., - Dư nợ margin của VIX đang cải thiện. Tính đến hết Q3/24 VIX đang cho vay khoảng 4,125 tỷ đồng, tăng mạnh +166% svck. Công ty còn nhiều dư địa tăng cho vay khi Tỷ lệ cho vay/Vốn chủ sở hữu hiện ở mức 0,26x, thấp hơn đáng kể so với mức trần cho phép 2,0x. - Với việc nâng cấp nền tảng giao dịch trực tuyến, ra mắt hệ thống Xpower và tích hợp tính năng AI trading, VIX đang cải thiện đáng kể trải nghiệm khách hàng. Đồng thời, triển vọng tăng trưởng của thị trường chứng khoán quý IV/2024 được kỳ vọng sẽ có lợi cho công ty, nhờ vào các yếu tố hỗ trợ từ nâng hạng thị trường và các chính sách của Ngân hàng Dự trữ Liên bang Mỹ.

08/10/2024	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
ORS	14.4	12.5-13.5	16	19	N/A	12.2	23.1%	CTCP Chứng khoán Tiên Phong (TPS) đã có kết quả kinh doanh quý 2/2024 tích cực, với lợi nhuận trước thuế đạt gần 126 tỷ đồng, (+ 95% YoY). Lợi nhuận sau thuế đạt gần 100 tỷ đồng (+105% YoY), giúp tổng lợi nhuận nửa đầu năm đạt 176 tỷ đồng (59%YoY). Thành công này đến từ việc TPS đẩy mạnh các mảng kinh doanh cốt lõi như đầu tư tài sản tài chính và cho vay ký quỹ. Lãi ròng từ các tài sản tài chính (FVTPL) và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) đạt 87 tỷ đồng (+205%), Mảng cho vay ký quỹ của TPS tăng trưởng ấn tượng, với quy mô đạt 2.306 tỷ đồng,(+111%YoY). Đây là yếu tố chính giúp lãi từ các khoản cho vay và phải thu tăng 57,4%, đạt 41 tỷ đồng. Đồng thời, mảng môi giới chứng khoán của TPS cũng cải thiện, chuyển từ lỗ 1,5 tỷ đồng cùng kỳ năm ngoái sang lãi gần 1 tỷ đồng trong quý 2 năm nay. Chi phí quản lý giảm 16%, giúp cải thiện biên lợi nhuận. Các yếu tố trên đã giúp cho TPS đã hoàn thành 61% kế hoạch lợi nhuận cả năm chỉ trong nửa đầu 2024. Triển vọng KQKD trong 6T cuối năm 2024 tích cực do: • TPS cũng đang có kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 5.608 tỷ đồng thông qua các đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và quyền mua, tạo điều kiện cho việc tăng trưởng tự doanh và cho vay ký quỹ trong tương lai trong tương lai. • Dư nợ margin của TPS đang trong xu hướng tăng trở lại. Tính đến hết Q2/24 TPS đang cho vay 2,182.67 tỷ đồng, tăng mạnh +219.92% svck. • Sắp tới sẽ hưởng lợi khi các giải pháp nâng hạng TTCK của chính phủ được triển khai và khi dòng vốn ngoại quay lại thị trường Việt Nam.

08/10/2024	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
TPB	17.6	16-16,5	19-20	N/A	N/A	15.5	20%	- Trong Q2, TPB ghi nhận 4.236 tỷ đồng (+8% YoY, -10% QoQ) tổng thu nhập hoạt động và 1.904 tỷ (+18% YoY, +4% QoQ) LNTT. Trong đó, thu nhập lãi thuần đạt 3.237 tỷ (+19% YoY, -6% QoQ) do NIM tăng trưởng 19 đcb svck nhưng lại giảm so với quý trước, tăng trưởng tín dụng đạt 4,2% YTD, so với mức -3% YTD trong quý 1. - Thu nhập ngoài lãi ghi nhận diễn biến ảm đạm, chỉ đạt 999 tỷ (-16% YoY, -21% QoQ), chủ yếu do sự tăng trưởng từ thu nhập hoạt động dịch vụ và thu nhập khác không đủ bù đắp cho khoản lỗ 45 tỷ của hoạt động chứng khoán đầu tư (cùng kỳ lãi 228 tỷ). Trong khi đó, thu nhập ngoài lãi (NOII) không đổi trong Q2/2024 khi thu nhập hoạt động dịch vụ tăng 45.6% svck, bù đắp mức giảm 99.6% từ kinh doanh ngoại hối. Chi phí hoạt động giảm 28% svck chủ yếu do giảm lương và chi phí dự phòng. Lợi nhuận ròng trong Q2/2024 đạt 1,523 tỷ đồng (+18.4% svck). - Về phía chi phí, chi phí hoạt động ghi nhận 1.383 tỷ (-28% YoY, -17% QoQ), hỗ trợ cho KQKD, trong khi đó chi phí trích lập vẫn tương đối cao với 949 tỷ (+158% YoY, -20% QoQ) khi TPB vẫn đang tích cực xử lý nợ xấu. - Tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 2,06% so với 2,23% trong quý trước, đảm bảo mục tiêu tỷ nợ xấu dưới 2,5. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu cũng tăng từ 60% lên 66% cho thấy chất lượng tài sản cải thiện so với quý trước. TPB có tỷ trọng cho vay cá nhân tương đối lớn (trên 50%) vì vậy trong bối cảnh sức khỏe kinh tế suy yếu, thu nhập của người dân bị ảnh hưởng khiến ngân hàng cũng chịu tác động lớn hơn. - Mức tăng trưởng tín dụng ở mức 4.2% tuy đang thấp hơn so với toàn ngành (6% so với đầu năm) nhưng với kỳ vọng phục hồi mạnh mẽ tiêu dùng và thị trường bất động sản cuối năm 2024 và năm 2025 thì mức TTTD của TPBank sẽ được cải thiện. - TPB đang giao dịch ở P/B hiện tại là 1,30x, thấp hơn mức bình quân 3 năm là 1,46x.

08/10/2024	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
								- Kết thúc Q2, VPB ghi nhận 16.128 tỷ (+26 YoY, +20% QoQ) tổng thu nhập hoạt động và 4.483 tỷ (+72% YoY, +7% QoQ) LNTT. Trong đó, thu nhập lãi thuần đạt 12.408 tỷ (+42% YoY, +10% QoQ) nhờ tăng trưởng tín dụng đạt 7,8% YTD (cao hơn bình quân ngành) và NIM hồi phục tốt so với cùng kỳ. - Biên lãi thuần NIM quý 2 của VPB hồi phục 12 điểm phần trăm so với quý trước lên 5.8% và vẫn là một trong những ngân hàng có biên lãi thuần cao nhất nhờ khẩu vị rủi ro tương đối cao. - Thu nhập ngoài lãi đạt 3.720 tỷ, giảm nhẹ 7% YoY nhưng đã hồi phục tốt từ mức nền thấp trong quý trước (+78% QoQ). Thu từ dịch vụ và thu từ hoạt động khác là hai hoạt động chiếm tỷ trọng lớn nhất nguồn thu ngoài lãi của VPB. Trong đó, hoạt động thu hồi nợ xấu (thuộc hoạt động khác) thường xuyên biến động lớn, tùy thuộc vào từng thời điểm và sự hồi phục của nền kinh tế, từ đó khiến thu nhập ngoài lãi của ngân hàng khá trôi sụt. - Về chi phí, chi phí hoạt động ghi nhận 3.331 tỷ (-9% YoY, -4% QoQ) chủ yếu nhờ ngân hàng cắt giảm chi phí nhân sự, tỷ lệ CIR giảm về mức 20,7%, thuộc nhóm thấp nhất so với các ngân hàng. Ngược lại chi phí trích lập dự phòng vẫn ở mức cao với 8.313 tỷ (+28% YoY, +44% QoQ) do chất lượng tài sản vẫn diễn biến căng thẳng. - Tỷ lệ nợ xấu tăng 0,24 điểm phần trăm so với quý trước lên 5,08%, trong đó NPL ngân hàng mẹ là 3,3%, giảm so với mức 4,8% trong quý 1 và NPL của FeCredit ước tính hơn 20%. Đối với 4.350 tỷ trái phiếu VAMC ghi nhận trong quý 4/2023, VPB đã tất toán xong trong quý 2. Mặc dù đã cải thiện so với mức đỉnh 6,52% trong quý 2/2023, tỷ lệ nợ xấu của VPB vẫn ở mức cao hơn nhiều so với các ngân hàng khác. Trong đó, một phần đến từ bản chất mô hình hoạt động kinh doanh với khẩu vị rủi ro cao của VPB khi tỷ trọng cho vay tín chấp và kinh doanh BĐS cao, lần lượt chiếm 20% và 22% dư nợ tín dụng. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của ngân hàng cũng ở mức thấp, chỉ đạt 48%, hàm ý rằng áp lực trích lập vẫn còn kéo dài. - VPB đang giao dịch ở P/B hiện tại là 1,20x, thấp hơn mức bình quân 3 năm là 1,51x.
VPB	20.1	18.5-19.5	22	N/A	N/A	18	15.8%	

» DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 10/2024



08/10/2024	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
MSB	12.8	11.5-12	14-15	N/A	N/A	11	23.4%	- LNTT Q2/2024 đạt 2,16 nghìn tỷ đồng (+6,8% YoY). Tổng lợi nhuận trước thuế của MSB đạt 2,160 tỷ đồng trong quý 2 (+41.2% QoQ +6.8% YoY). Trong đó, thu nhập lãi thuần giảm nhẹ (-1% YoY) do ảnh hưởng từ chi phí vốn. Ngoài ra, thu nhập ngoài lãi của ngân hàng đã ghi nhận sự cải thiện so với quý 1, với đóng góp chủ yếu từ hoạt động dịch vụ đạt 379 tỷ đồng (+23.1% qoq), và hoạt động kinh doanh ngoại hối ghi nhận 385 tỷ đồng. Bên cạnh đó, thu nhập khác tăng mạnh đạt 1,201 tỷ trong quý 2 (+165.5% QoQ) do thu hồi được 800 tỷ nợ xấu đã trích lập dự phòng. - Nhờ sự tăng trưởng tín dụng trong Q2/2024, tỷ lệ nợ xấu giảm còn 3,08% (-10 điểm cơ bản so với quý trước) mặc dù các khoản nợ xấu và nợ Nhóm 2 tăng lần lượt 3,5% so với quý trước và 29% so với quý trước. Tỷ lệ nợ xấu từ phân khúc bán lẻ giảm từ hơn 9% trong Q1/2024 xuống 8,14% trong Q2/2024, trong đó cho vay mua nhà chiếm 1,6 nghìn tỷ đồng (+35% so với quý trước, hoặc 31% các khoản nợ xấu). Trong nửa cuối năm 2024, ngân hàng sẽ nỗ lực hơn để giảm tỷ lệ nợ xấu phân khúc bán lẻ xuống còn 6%-7% trong khi duy trì ổn định nợ xấu doanh nghiệp ở mức hiện tại NIM của ngân hàng giảm 24 điểm cơ bản so với quý trước còn 3,42% với quý trước do ảnh hưởng của chi phí vốn tăng. So với các quý trước khi MSB được hưởng lợi từ nguồn vốn giá rẻ từ thị trường liên ngân hàng thì trong quý 2/2024, trước căng thẳng tỷ giá USD/VND, lãi suất thị trường 2 tăng mạnh trong tháng 4 và tháng 5 khiến chi phí vốn của MSB bị ảnh hưởng đáng kể. Ngoài ra, Lãi suất cho vay giảm (-29 điểm cơ bản so với quý trước) với tốc độ nhanh hơn lãi suất huy động (- 17 điểm cơ bản so với quý trước). - Theo ban lãnh đạo, lãi suất liên ngân hàng sẽ hạ nhiệt vào các tháng cuối năm từ đó NIM sẽ phục hồi trong nửa cuối năm 2024, đạt 3,8% - 4% cho cả năm 2024. - MSB đang giao dịch ở P/B hiện tại là 0,97x, thấp hơn mức bình quân 3 năm là 1,12x.

» DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 10/2024



08/10/2024	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
VGT	14.1	12.7-13.3	15-16	18	N/A	12.4	19.2%	- Triển vọng về ngành và của VGT tiếp tục thể hiện rõ khi doanh nghiệp ước tính KQKD 9T đầu năm 2024 với doanh thu đạt 13.036 tỷ đồng (+0.7% svck, đạt 72,8% kế hoạch đề ra), LNTT ước đạt 490 tỷ đồng (+70% svck, đạt 89,1 so với kế hoạch). - Con số ghi nhận mức tăng trưởng vượt bậc nhờ mức nền thấp cùng kỳ và các cơ hội hồi phục cho ngành dệt may Việt Nam như: (i) lạm phát của Mỹ và EU có xu hướng giảm, dẫn đến nhu cầu hồi phục tại 2 thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam; (ii) đón đơn hàng dịch chuyển nhờ bất ổn chính trị, thiên tai tại Bangladesh; (iii) nguồn tiết kiệm của người dân Mỹ có biểu hiện giảm, tăng tiêu dùng bằng thẻ tín dụng.
TCM	46.1	40-41	50	N/A	N/A	38	23.5%	- TCM ghi nhận lợi nhuận Q2/2024 tăng trưởng mạnh nhờ mức nền thấp cùng kỳ, trong đó doanh thu thuần đạt 846,7 tỷ đồng (+18,5% svck), LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 71,8 tỷ đồng (+3.707,5% svck), mức cao nhất kể từ Q3/2022. - Sức khỏe tài chính lành mạnh với lượng tiền mặt dồi dào, doanh nghiệp ít bị chiếm dụng vốn với tỷ lệ rủi ro thấp. Ngoài ra TCM có tỷ lệ nợ duy trì ở mức thấp. - Chúng tôi đánh giá triển vọng kinh doanh TCM tiếp tục có nhiều tín hiệu tích cực: (i) tình hình xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam khả quan về nửa cuối năm 2024 khi nhu cầu về hàng hóa và tiêu dùng tăng cao, đặc biệt vào các dịp lễ ở các thị trường chủ lực của TCM như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc,... (ii) khoản thu nhập bất thường từ việc bán nhà máy Trảng Bàng và chuyển nhượng gần 7ha đất tại KCN Hòa Phú, tỉnh Vĩnh Long; (iii) Ngoài ra, việc M&A công ty TNHH Dệt may SY Vina là giải pháp giúp TCM có giấy phép nhuộm và mở rộng phân khúc sản phẩm để thực hiện các đơn hàng giá trị cao, hướng tới nhà sản xuất ODM hàng đầu Việt Nam vào năm 2030.

08/10/2024	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
								Triển vọng dài hạn lạc quan dựa trên các yếu tố sau: - KQKQ 6T/2024 tăng trưởng ấn tượng. Lũy kế 6T/2024, DTT của PVB đạt 187,2 tỷ đồng (+253,6% svck). Lợi nhuận gộp trong kỳ đạt 45,6 tỷ đồng trong khi cùng kỳ năm trước bị lỗ 2,3 tỷ đồng. Biên lợi nhuận cải thiện mạnh mẽ lên 24,4%. LNST 6T/2024 của PVB đạt 25,7 tỷ đồng trong khi cùng kỳ năm trước lỗ 4,8 tỷ đồng. KQKD ấn tượng trên theo chúng tôi đến từ các gói thầu tại các Dự án như Kinh Ngư Trắng, Lạc Đà Vàng, Đại Hùng – Pha 3.... - Tình hình tài chính lành mạnh – lượng tiền dồi dào, không có nợ vay và trong Q2/2024 đã thu hồi được nhiều khoản phải thu. - Là nhà bọc ống duy nhất nên PVB có thể hưởng lợi khi Dự án Lô B – Ô Môn được thúc đẩy tiến độ triển khai. PVB cùng với CTCP Sản xuất Ống Thép Dầu khí – PV PIPE (một công ty thành viên của PV GAS) dự kiến có thể trúng thầu các hợp đồng cung cấp dịch vụ bọc ống cho Dự án Lô B và hứa hẹn đem lại khoảng gần 4.000 tỷ đồng doanh thu thời gian tới. Bên cạnh đó, là Công ty con của PVGas, PVB sẽ nhận được nhiều hỗ trợ từ phía Công ty mẹ. - ABS Research dự phóng DTT và LNST 2024F của PVB dự kiến đạt 308 tỷ đồng (+26% svck) & 54 tỷ đồng (gấp 15 lần cùng kỳ năm 2023). EPS & BVPS 2024F dự kiến đạt 2.500 đ/cp & 19.602 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 12,5x và 1,6x lần tại mức giá hiện tại.
PVB	30.7	27.5-28.5	33	36	N/A	26	17.9%	

» DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 10/2024

08/10/2024	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
PLX	44.7	41-42	48-50	56	47	39	18.1%	- KQKD 6T/2024 tích cực. Lũy kế 6T/2024, DTT của PLX đạt trên 148.943 tỷ đồng (+11,8% svck), lợi nhuận gộp trong kỳ đạt gần 9.291 tỷ đồng (+24% svck). Biên lợi nhuận gộp tăng lên 6,2% so với mức 5,6% của cùng kỳ năm trước. LNST của cổ đông Công ty mẹ 6T/2024 của PLX đạt 2.272 tỷ đồng (+58,6% svck). Năm 2024, PLX đặt kế hoạch 188.000 tỷ đồng doanh thu và 2.900 tỷ đồng LNTT. Như vậy, 6T/2024, PLX đã hoàn thành 79,2% kế hoạch doanh thu và 101,5% kế hoạch LNTT năm 2024. - Thị trường phân phối xăng dầu của Việt Nam dự báo tăng trưởng ổn định với tốc độ tăng trưởng kép CAGR trong giai đoạn 2022-2030 dự kiến chỉ đạt 4,3%/năm. Trong khi đó, Petrolimex hiện là nhà bán lẻ xăng dầu lớn nhất Việt Nam với 5.500 cửa hàng xăng dầu trên toàn quốc, chiếm hơn 50% thị phần kinh doanh, bán lẻ xăng dầu cả nước. - Nguồn cung năng lượng và giá dầu thế giới ổn định, không biến động mạnh như các năm; nguồn cung xăng dầu từ các nhà máy lọc dầu trong nước khá ổn định, các thương nhân thực hiện nhập mua xăng dầu theo đúng kế hoạch và đảm bảo hiệu quả. - PLX có cơ hội gia tăng thị phần từ việc làm đầu mỗi xăng dầu khi các công ty đầu mỗi khác bị rút giấy phép, cũng như từ bán lẻ xăng dầu nhờ sớm triển khai xuất hóa đơn bán lẻ. - Gần đây, Bộ Công Thương đã công bố bản Dự thảo Nghị định lần 4 về kinh doanh xăng dầu, dự kiến sẽ thay thế Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, Nghị định số 95/2021/NĐ-CP & Nghị định số 80/2023/NĐ-CP. Dự thảo Nghị định này có một số điểm mới giúp các DN đầu mỗi xăng dầu có lợi thế về thương hiệu, thị phần, quy mô, mạng lưới, kho chứa, kinh nghiệm...như PLX được hưởng lợi. Hiện, PLX có mạng lưới trên 5.500 cửa hàng, chiếm trên 50% thị phần xăng dầu toàn quốc. - ABS Research dự phóng LNST cổ đông Công ty mẹ 2024F của PLX dự kiến đạt 3.988 tỷ đồng (+40,7% svck). EPS & BVPS 2024F dự kiến đạt 3.082 đ/cp & 21.630 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 14,5x và 2,1x lần tại mức giá hiện tại.

» DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 10/2024

08/10/2024	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
HAH	41.5	38-39	45	N/A	N/A	3616.9%	- Doanh thu 6 tháng đầu năm tăng trưởng mạnh mẽ, đạt 1.653 tỷ đồng (+30,5% svck) nhờ tăng tàu đưa vào khai thác (HA Alfa, HA Beta); mở thêm tuyến, chặng nội địa (Nghị Sơn, Chân Mây, Long An) và tuyến, chặng quốc tế (Singapore, Malaysia, Ấn Độ). Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế chưa như kỳ vọng đạt 171 tỷ đồng (-20,9% svck). - HAH có triển vọng tích cực trong nửa cuối năm 2024 và năm 2025 do 1) sự phục hồi của xuất nhập khẩu Việt Nam và 2) kỳ vọng giá cước vận tải container sẽ duy trì ở mức cao trong bối cảnh cuộc khủng hoảng Biển Đỏ vẫn chưa có dấu hiệu kết thúc. - HAH gần đây cũng đã điều chỉnh kế hoạch kinh doanh cho năm 2024 với LNST cho Cổ đông Công ty mẹ tăng lên đến 450 tỷ đồng, tăng 55% so với kế hoạch đầu năm. Ngoài ra, Công ty cũng công bố kế hoạch đầu tư mua mới một tàu size Panamax (3000 – 5000 TEU), tiếp tục gia tăng hiệu quả và công suất của đội tàu.
DHC	37.2	36-37	41-42	46	N/A	34.513.7%	- Doanh thu thuần 6T/2024 tăng trưởng đạt 1.827 tỷ đồng (+11% svck), tuy nhiên LNST của Cổ đông Công ty mẹ chỉ đạt 116 tỷ đồng (-35% svck) với chi phí nhập khẩu giấy tái chế tăng mạnh, chủ yếu do cước vận tải quốc tế tăng cao. Mảng bao bì có sự khởi sắc nhờ vào sự phục hồi thị trường xuất khẩu nông thủy sản tại thị trường chính là các tỉnh khu vực ĐBSCL. - Tiến đến hai quý cuối năm, lợi nhuận gộp của DHC được kỳ vọng cải thiện nhờ vào i) chi phí đầu vào giảm do các yếu tố cước vận tải thế giới giảm, hiện đã về xuống dưới mức đầu tháng 1/2024 và tỷ giá USD/VND hạ nhiệt và ii) sản lượng bao bì kỳ vọng tiếp tục tăng nhờ vào phục hồi xuất nhập khẩu.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Để được hỗ trợ tư vấn và nhận các thông tin khuyến nghị, báo cáo thường xuyên, kịp thời, tải ABS Invest ngay tại



Trải nghiệm ngay
ứng dụng ABS invest



Mở tài khoản để tham gia
room tư vấn của Trung tâm
Tư vấn Đầu tư ABS

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt.

Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Nguyễn Thị Thùy Linh – Giám đốc Trung tâm Phân tích

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Điện thoại: (+84 - 24) 3562 4626 Số máy lẻ: 160

www.abs.vn



Thank you!